LỜI DẠY
CỦA CÁC BẬC
THÁNH NHÂN
TRONG CÁC NGỮ LỤC
33 BÀI KỆ
và
PHẨM BẤT NHỊ
TRONG KINH DUY-MA-CẬT
Giải nghĩa

LỜI DẠY CỦA CÁC BẬC THÁNH NHÂN TRONG CÁC NGỮ LỤC, 33 BÀI KỆ VÀ PHẨM BẤT NHỊ TRONG KINH DUY-MA-CẬT Giải nghĩa

Bản quyền tiếng Việt © 2025, Thích Thắng Giải

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu.

Thái Hà Books trân trọng cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của độc giả.
Mọi thông tin xin gửi về:

- Góp ý về biên tập: publication@thaihabooks.com
- Tư vấn dịch vụ xuất bản: dichvuxuatban@thaihabooks.com

THÍCH THẮNG GIẢI

LỜI DẠY CỦA CÁC BẬC THÁNH NHÂN TRONG CÁC NGỮ LỤC

33 BÀI KỆ và PHẨM BẤT NHỊ TRONG KINH DUY-MA-CẬT

Giải nghĩa

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
THAIHABOOKS
Phụng sự để dẫn đầu

MỤC LỤC

Lời thưa *7*

Lời dạy của các bậc thánh nhân trong các ngữ lục *giải nghĩa* 9

33 Bài kệ truyền Pháp của các bậc tổ sư Ấn - Hoa *giải nghĩa* 105

Phẩm Pháp môn bất nhị trong kinh Duy-Ma-Cật *giải nghĩa* 151

Lời kết: Ý nghĩa lời dạy của các bậc thánh nhân trong các ngữ lục, 33 bài kệ và phẩm Pháp môn bất nhị trong kinh Duy-Ma-Cật 191

LỜI THƯA

Các ngữ lục như: *Ngộ Tánh Luận, Phá Tướng Luận, Huyết Mạch Luận, Luận Tối Thượng Thừa, Pháp Bảo Đàn, Thần Hội Ngữ Lục, Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn, Truyền Tâm Pháp Yếu, Uyển Lăng Lục, Chơn Tâm Trực Thuyết* đều do Hòa Thượng Thích Thanh Từ Việt dịch. *Lâm Tế Ngữ Lục* là do Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh Việt dịch. *Triệu Luận* là do Hòa Thượng Thích Duy Lực Việt dịch. *33 bài kệ truyền pháp của các bậc Tổ Sư* là do Hòa Thượng Thích Thanh Từ Việt dịch. *Phẩm Pháp môn bất nhị* trong kinh *Duy-Ma-Cật* là do Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ Việt dịch. Người viết đã trích những đoạn tinh yếu trong các ngữ lục, 33 bài kệ truyền pháp của các bậc Tổ Sư và phẩm Pháp môn bất nhị trong kinh Duy-Ma-Cật để viết giải nghĩa. Bằng kinh nghiệm tu học tới đâu thì người viết sẽ viết lời giải nghĩa tới đó. Khi nghiên cứu lời dạy của các bậc thánh nhân trong các ngữ lục, 33 bài kệ và phẩm Pháp môn bất nhị trong kinh

Duy-Ma-Cật, người viết nhận thấy rằng những lời dạy đó chính là tu tập đạo thánh đế vô lậu. Tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu nghĩa là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Mùa Vu Lan 30.08.2023

Với tất cả tấm lòng trân trọng,

Thích Thắng Giải

LỜI DẠY CỦA CÁC BẬC THÁNH NHÂN TRONG CÁC NGỮ LỤC GIẢI NGHĨA

Chánh văn

Xét về đạo, lấy tịch diệt làm thể, còn tu lấy lìa tướng làm tông. Nên kinh nói: "Tịch diệt là Bồ-đề, vì diệt các tướng". Phật là giác, người có giác tâm, được đạo Bồ-đề, nên gọi là Phật.

Kinh nói: "Lìa tất cả các tướng gọi là chư Phật", mới biết có tướng là tướng không tướng, chẳng thể lấy mắt thấy, chỉ có thể dùng trí biết.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tất cả chúng ta đều vốn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Bởi vì, tâm hữu lậu (tạp niệm) là tâm duyên sinh nên vô thường, khổ, phi ngã. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Cho nên, các bậc Hiền thánh trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai đều do lãnh hội được tâm vô lậu tu tập nên mới thành tựu được tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Chánh văn

Chẳng nhớ tất cả pháp gọi là thiền định. Nếu rõ lời này, đi đứng ngồi nằm đều là thiền định.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận,*
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên mới trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc

và pháp trần. Vì tâm này không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần nên thường định và thường tuệ.

Chánh văn

Khi mê thì có bờ này, khi ngộ thì không bờ này. Tại sao? Vì phàm phu một bề trụ ở đây. Nếu người giác ngộ Tối thượng thừa, tâm chẳng trụ ở đây, cũng chẳng trụ ở kia, nên hay lìa khỏi bờ này và bờ kia. Nếu thấy bờ kia khác với bờ này, thì tâm của người ấy đã không được thiền định.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Bờ bên này là chỉ cho những người sống với tạp niệm; còn bờ bên kia là chỉ cho những bậc thánh giả sống với tâm vô lậu. Tâm hữu lậu mới sinh khởi khái niệm quá khứ, hiện tại và vị lai. Còn tâm vô lậu không sinh khởi khái niệm về quá khứ, hiện tại, vị lai. Bởi vì, các bậc thánh nhân đã

sống trong tâm vô lậu nên không sinh khởi khái niệm bờ này, bờ kia và bờ ở giữa.

Chánh văn

Phiền não gọi là chúng sanh. Tỏ ngộ gọi Bồ-đề. Cũng chẳng một mà chẳng khác, chỉ cách có mê ngộ thôi.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận,*
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chúng sinh là chỉ cho sự tập khởi của tâm hữu lậu (phiền não); còn Bồ-đề là chỉ cho tâm vô lậu. Tâm hữu lậu và tâm vô lậu chẳng phải một cũng chẳng phải khác. Tâm hữu lậu và tâm vô lậu chẳng phải một là vì tâm hữu lậu là sinh diệt; còn tâm vô lậu là bất sinh bất diệt. Tâm hữu lậu và tâm vô lậu chẳng phải khác là vì không thể rời tâm hữu lậu để lãnh hội được tâm vô lậu. Cho nên, tâm nhận biết được như thật (không sinh khởi khái niệm) tâm hữu lậu (phiền não) thì tâm này chính là tâm vô lậu (Bồ-đề).

Chánh văn

Niết-bàn: Niết là chẳng sanh, Bàn là chẳng tử. Tâm không đến đi, tức vào Niết-bàn. Mới biết Niết-bàn là tâm không, chư Phật vào Niết-bàn là ở chỗ không vọng tưởng. Bồ-tát vào đạo tràng là ở chỗ không phiền não.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Bởi vì tâm vô lậu chẳng sinh chẳng diệt cho nên gọi là Niết-bàn.

Chánh văn

Phàm mê là mê ở nơi ngộ, ngộ là ngộ nơi mê. Người chánh kiến biết rõ tâm là rỗng không, tức vượt mê ngộ. Không có mê ngộ mới là chánh giải chánh kiến.

Chân kiến là không chỗ nào chẳng thấy, cũng không có chỗ thấy. Thấy đầy khắp cả mười phương

mà chưa từng có thấy. Tại sao? Vì không có chỗ thấy, vì thấy mà không thấy.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận,*
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Bởi vì chúng ta sống với tạp niệm nên gọi là sống với tâm mê. Còn nếu chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu thì đây gọi là tâm ngộ. Thế nào là "*Ngộ là ngộ ở nơi mê*"? Chính tâm nhận biết được như thật (không sinh khởi khái niệm) tâm mê (tạp niệm) thì tâm này là tâm ngộ (tâm vô lậu).

Nếu chúng ta sống trong tâm hữu lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật trơn nhám và nhận thức các pháp trần thì có tướng (tướng của tâm hữu lậu) để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận thức. Ngược lại, nếu chúng ta sống trong tâm vô lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật trơn nhám và nhận biết các pháp trần thì không có tướng

(không tướng của tâm vô lậu) để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận biết. Vì thế, tâm vô lậu thấy mà không có chỗ để thấy (không sinh khái niệm) nên tất cả chỗ đều không tâm; vì tất cả chỗ đều không tâm nên không có chỗ để trụ (không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp); vì không có chỗ để trụ nên thấy mà không có tướng để thấy (không sinh khởi khái niệm), chứ không phải là không thấy.

Chánh văn

Khi khởi cái hiểu này mới gọi là chánh kiến. Chẳng thấy tất cả pháp mới gọi là được đạo. Chẳng hiểu tất cả pháp mới gọi là hiểu pháp.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chánh kiến gồm có hai loại: chánh kiến hữu lậu và chánh kiến vô lậu. Chánh kiến hữu lậu mới trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

Còn chánh kiến vô lậu sẽ không trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Trong đó, chánh kiến vô lậu mới chân thật. Tuy chánh kiến vô lậu thấy tất cả pháp như thiện, ác, xanh, đỏ, tím, vàng… nhưng không sinh khởi khái niệm chứ không phải là không thấy tất cả pháp đó.

Chánh văn

Tâm chúng sanh sanh thì Phật pháp diệt. Tâm chúng sanh diệt thì Phật pháp sanh.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận,*
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Bởi vì chúng ta sống với vọng tâm nên chân tâm ẩn. Còn nếu chúng ta lãnh hội được chân tâm thì vọng tâm diệt nên chân tâm hiển lộ.

Chánh văn

Người tu đạo thì chẳng cầu đạo ở bên ngoài. Tại sao? Vì biết rõ tâm chính là đạo.

Nếu khi nhận được tâm thì không tâm có thể được. Nếu khi nhận được đạo thì không đạo có thể được.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chúng ta vốn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Cho nên, chúng ta phải ở nơi sự tập khởi của tâm hữu lậu để lãnh hội được tâm vô lậu. Vì vậy, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật đã dạy: *"Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết"*.

Chánh văn

Khi tâm nhận được Niết-bàn tức chẳng thấy có Niết-bàn. Tại sao? Vì tâm chính là Niết-bàn.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận,*
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm vô lậu sẽ không sinh khởi khái niệm về tâm vô lậu hay không phải tâm vô lậu.

Chánh văn

Nếu hay không có chỗ nói thì trọn ngày nói đều là đạo. Thế nên, nói mà lìa tướng thì nói cũng gọi là giải thoát.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận,*
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Bởi vì bậc thánh nhân sống trong tâm vô lậu nên nói năng hay im lặng đều là giải thoát.

Chánh văn

Khi mê là ở bờ này. Khi ngộ là ở bờ kia.

Nếu biết rõ tâm rỗng không chẳng thấy tướng thì lìa cả mê ngộ.

Đã lìa mê ngộ thì chẳng ở bờ này, cũng chẳng ở bờ kia, chẳng ở giữa dòng. Bờ này là phàm phu. Bờ kia là Bồ-đề.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận,*
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Bờ bên này là chỉ cho chúng ta sống với vọng niệm (phàm phu). Còn bờ bên kia là chỉ cho những bậc thánh giả sống với tâm vô lậu (Bồ-đề). Tâm hữu lậu mới sinh khởi khái niệm quá khứ, hiện tại và vị lai. Tâm vô lậu sẽ không sinh khởi khái niệm quá khứ, hiện tại, vị lai. Do đó, các bậc thánh nhân đã sống trong tâm vô lậu nên không sinh khởi khái niệm bờ này, bờ kia và bờ ở giữa.

Chánh văn

Thánh nhân chẳng có lo tính trước, cũng chẳng nghĩ lo về sau, chẳng luyến ở ngay hiện tại, niệm niệm trở về với đạo. Nếu người chưa tỏ ngộ được lý to lớn này thì cần phải sớm cầu điều lành của cõi trời, cõi người, không để cho mất cả hai.

(Trích từ *Ngộ Tánh Luận,*
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Bởi vì các bậc thánh nhân đã sống trong tâm vô lậu nên khi đi hay đứng, ngồi hay nằm, nói năng hay im lặng vẫn luôn ở trong trạng thái của định. Vì thế, nếu chúng ta chưa lãnh hội được tâm vô lậu để tu tập thì cần phải tu tập tất cả các thiện pháp hữu lậu. Tu tập tất cả các thiện pháp hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nghĩa là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới - định - tuệ để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại.

*

Chánh văn

Luận rằng:

- Nếu có người quyết tâm cầu Phật đạo thì phải tu pháp gì là ngắn gọn nhất?

Đáp:

- Chỉ một pháp quán tâm thu nhiếp hết các pháp (rất là ngắn gọn).

Hỏi:

- Sao một pháp mà hay nhiếp các pháp?

Đáp:

- Tâm là cội gốc của các pháp. Tất cả các pháp chỉ từ tâm mà sanh. Nếu hay rõ xong được tâm thì muôn pháp đều đầy đủ.

(Trích từ *Phá Tướng Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Thức A-lại-da của mỗi chúng ta lưu giữ chủng tử của tất cả các pháp và chính những chủng tử đó đã làm nhân duyên cho các thức hiện hành.

Khi các thức hiện hành thì chúng ta mới nhận thức, phân biệt đối với các pháp như sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Vì vậy, Kinh và Luận thường dạy: Tâm sinh nên các pháp mới sinh, hay các pháp được tập khởi từ tâm (khái niệm danh ngôn đối với tất cả pháp). Hoặc thiện hay bất thiện đều được sinh khởi từ tâm. Do đó, nếu chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu tu tập thì nhất định sẽ đoạn trừ được tâm hữu lậu để đạt tứ thánh quả cho đến thành tựu quả vị Phật.

Chánh văn

Nếu rõ xong được tâm mà tu đạo thì ít tốn sức mà dễ thành.

Vì vậy, mà biết tất cả thiện ác đều do từ tâm. Ngoài tâm mà riêng cầu cái khác thì không có lẽ ấy.

(Trích từ *Phá Tướng Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Nếu chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu thì sẽ đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên

thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục sống trong tâm vô lậu tu tập để đạt tới các thánh quả như Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

Chánh văn

Kinh Thập Địa nói rằng: "Ở trong thân chúng sanh có Phật tánh kim cang giống cũng như vừng mặt trời, thể sáng tròn đầy đủ, rộng lớn không bờ mé, chỉ vì lớp mây năm ấm dày che phủ như là ánh sáng của ngọn đèn để ở trong cái bình, nó chẳng thể hiển hiện".

Lại kinh Niết-bàn nói: "Tất cả chúng sanh thảy có Phật tánh, vì vô minh che phủ nên chẳng được giải thoát".

(Trích từ *Phá Tướng Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tất cả chúng ta vốn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Tâm hữu lậu là sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế). Tâm vô lậu là diệt đế - đạo đế

vô lậu. Tuy chúng ta đều có tâm vô lậu nhưng vì bị tâm hữu lậu che phủ và làm chướng ngại. Do đó, chúng ta muốn lãnh hội được tâm vô lậu thì phải tìm cầu những bậc thầy đã rõ được tâm vô lậu để được chỉ dạy. Đã gặp được thiện tri thức rồi, chúng ta phải hết lòng cung kính, lắng nghe, tư duy và tu tập. Nhờ vậy, chúng ta mới có thể lãnh hội được tâm vô lậu để tu tập.

*

Chánh văn

Phật trước Phật sau, lấy tâm truyền tâm, chẳng lập văn tự.

(Trích từ *Huyết Mạch Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chư Phật ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời tương lai đều do lãnh hội được tâm vô lậu tu tập để đoạn trừ chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên thành tựu

Vô Thượng Bồ-đề. Vì vậy, trong Bát-nhã Tâm Kinh, Bồ-tát Quán Thế Âm dạy: "*Chư Phật trong ba đời sống trọn vẹn với Bát-nhã ba-la-mật-đa nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*"

Chánh văn

Hỏi:

- Nếu chẳng lập văn tự, lấy gì làm tâm?

Đáp:

- Ông hỏi tôi, chính đó là tâm ông.

Tôi đáp ông chính đó là tâm tôi.

Tôi nếu không tâm, nhân đâu mà biết đáp ông?

Ông nếu không tâm, nhân đâu biết hỏi tôi?

Hỏi tôi chính đó là tâm ông. Từ vô thủy kiếp đến nay, cho đến mọi hành động tạo tác, trong tất cả thời, trong tất cả chỗ đều là bản tâm của ông, đều là bản Phật của ông. Tức tâm là Phật cũng lại như thế.

(Trích từ *Huyết Mạch Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chúng ta sống trong tâm hữu lậu để nhận thức tất cả pháp như sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Ngoài ra, chúng ta còn có tâm vô lậu nhưng vì bị tâm hữu lậu che phủ và làm chướng ngại. Vì thế, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật đã dạy tâm vô lậu qua nơi sáu căn: "*Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*".

Chánh văn

Trừ ngoài tâm này không thật có Phật nào khác có thể được.

Lìa ngoài tâm này mà tìm Bồ-đề, Niết-bàn không có lẽ ấy.

Ngoài tâm này không riêng có Phật nào khác, cũng không riêng có Bồ-đề, Niết-bàn nào khác.

(Trích từ *Huyết Mạch Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chân lý vô lậu chỉ có một nghĩa, chứ không thể có nhiều chân lý vô lậu. Chân lý vô lậu chính là tâm vô lậu của mỗi chúng ta. Tuy ý nghĩa của tâm vô lậu chỉ có một nghĩa nhưng tùy theo mỗi bản kinh và mỗi bản luận để có sự quy ước tên gọi hay danh xưng khác nhau. Như trong giáo lý Tứ thánh đế gọi là "kiến đế". Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là "minh". Kinh *Vô tri* gọi là "như thật tri". Kinh *Vô minh* gọi là "minh". Trong kinh *Bāhiya* gọi là "trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết". Trong kinh *Lăng Nghiêm* gọi là "tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết". Trong *Bát-nhã tâm kinh* và kinh *Kim Cang* gọi là "trí vô lậu" (Bát-nhã). Theo *Luận Thành Duy Thức* gọi là "trí vô phân biệt".

Chính ý nghĩa đó nên chúng ta biết rằng: chư Phật và các bậc Thánh nhân ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai đều do lãnh hội được tâm

vô lậu tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Vì vậy, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: *"Vì chư Phật và Pháp Vô Thượng Giác của chư Phật đều sinh ra từ kinh này"*.

Chánh văn

Nếu muốn tìm Phật thì phải thấy tánh. Thấy tánh tức là Phật.

(Trích từ *Huyết Mạch Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chúng sinh do đã sống với tâm tà kiến và tà tư duy nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Do đó, sau khi xả bỏ báo thân, những vị ấy phải thọ quả báo khổ đau nơi các cõi khổ. Vì thế, chúng ta cần phải sống với tâm chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu nên dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Cho nên, sau khi xả bỏ báo thân, chúng ta mới thọ quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn các bậc thánh nhân do sống trong chánh kiến và chánh tư duy vô lậu nên

dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Nhờ đó, các Ngài mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Vì thế, chúng ta muốn thành tựu tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật thì phải lãnh hội chánh kiến vô lậu để tu tập.

Chánh văn

Nếu tự mình chẳng sáng tỏ thì cần phải thưa hỏi thiện tri thức, để rõ cho xong căn bản sanh tử. Nếu chẳng thấy tánh tức chẳng gọi là thiện tri thức.

(Trích từ *Huyết Mạch Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Nếu chúng ta chưa lãnh hội được tâm vô lậu thì cần phải tìm cầu những bậc thầy đã rõ được tâm vô lậu để được chỉ dạy. Nhờ đó, chúng ta mới có thể lãnh hội được tâm vô lậu.

Chánh văn

Dù cho Phật tánh là tự có, nếu chẳng nhân thầy trọn chẳng sáng tỏ. Người chẳng nhân thầy ngộ, trong muôn người ít có một.

Nếu tự mình đã có duyên khế hợp, nhận được ý của bậc thánh tức chẳng cần thưa hỏi bậc thiện tri thức. Đây là hạng sanh ra đã biết rồi, đó là bậc thắng học.

Nếu chưa tỏ ngộ, cần phải hết lòng siêng năng tham học, nhân giáo mới được ngộ.

(Trích từ *Huyết Mạch Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Trong lịch sử tu học của những bậc thánh giả, có những bậc thầy tự mình lãnh hội được tâm vô lậu mà không do người thầy chỉ dạy, đây là những bậc thắng học trong Phật pháp. Còn chúng ta không thể đủ công đức tu học như vậy nên cần phải tìm cầu bậc thiện tri thức để được chỉ dạy. Gặp được bậc thiện tri thức rồi, chúng ta phải hết

lòng cung kính, lắng nghe, tư duy và tu tập nên sẽ lãnh hội được tâm vô lậu.

Chánh văn

Hỏi:

- Nếu chẳng thấy tánh, niệm Phật, tụng kinh, bố thí, giữ giới, tinh tiến, rộng làm phước được thành Phật chăng?

Đáp:

- Chẳng được!

Lại hỏi:

- Vì sao mà chẳng được?

Đáp:

- Thành Phật phải thấy tánh.

(Trích từ *Huyết Mạch Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Nếu chúng ta trụ trong tâm hữu lậu thiện để tu tập tất cả thiện pháp như bố thí tài thí, pháp thí thì

sẽ thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Tuy vậy, đó không phải là nhân tu tập để đạt được tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Vì vậy, chúng ta muốn thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật thì phải lãnh hội được tâm vô lậu để tu tập. Do đó, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: *"Vì tất cả Hiền Thánh đều từ nơi pháp vô vi mà có những khác biệt"*.

Chánh văn

Tổ dạy: Trọn ngày đi lại mà chưa từng đi, trọn ngày thấy mà chưa từng thấy, trọn ngày cười mà chưa từng cười, trọn ngày nghe mà chưa từng nghe, trọn ngày biết mà chưa từng biết, trọn ngày mừng mà chưa từng mừng, trọn ngày đi mà chưa từng đi, trọn ngày đứng mà chưa từng đứng.

(Trích từ *Huyết Mạch Luận*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Bởi vì các bậc thánh nhân đã sống trong tâm vô lậu nên đi mà không sinh khởi khái niệm đi,

đứng mà không sinh khởi khái niệm để đứng, ngồi mà không sinh khởi khái niệm để ngồi, nằm mà không sinh khởi khái niệm để nằm, nói mà không sinh khởi khái niệm để nói và cho đến thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm cũng có ý nghĩa như vậy.

*

Chánh văn

Hỏi: Làm sao biết tâm mình xưa nay thanh tịnh?

Đáp: Kinh Thập Địa nói: "Trong thân chúng sanh có Phật tánh Kim Cang". Ví như mặt trời tròn đầy sáng suốt rộng lớn không ngằn mé. Chỉ vì bị mây đen ngũ ấm che đậy, như ngọn đèn để trong bình, ánh sáng không thể chiếu soi. Tâm thanh tịnh của tất cả chúng sanh cũng như thế. Chỉ vì bị mây đen vin theo vọng niệm phiền não và các kiến chấp che đậy. Cho nên biết, tâm mình xưa nay thanh tịnh.

(Trích từ *Luận Tối Thượng Thừa*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tuy chúng ta vốn sẵn có tâm vô lậu nhưng vì bị tâm hữu lậu che phủ và làm chướng ngại cho nên, chúng ta muốn lãnh hội được tâm vô lậu thì cần phải tìm cầu bậc thiện tri thức để được chỉ dạy. Đã gặp được bậc thiện tri thức rồi, chúng ta cần phải hết lòng cung kính, lắng nghe, tư duy và tu tập thì nhất định sẽ lãnh hội được tâm vô lậu.

Chánh văn

Hỏi: Làm sao biết tâm mình xưa nay không sanh diệt?

Đáp: Kinh Duy Ma Cật nói: "Như không có sanh, như không có diệt". Như là chơn như Phật tánh tự tánh thanh tịnh. Thanh tịnh là nguồn của tâm. Chơn như vốn không từ duyên sanh. Lại nói: "Tất cả chúng sanh đều Như, các Hiền Thánh cũng Như". Tất cả chúng sanh là chúng ta vậy. Các Hiền Thánh tức là Chư Phật vậy. Danh tướng tuy khác, chơn như pháp tánh trong thân đều đồng. Không sanh không diệt

nên nói đều "Như". Thế là biết tâm mình xưa nay không sanh không diệt.

(Trích từ *Luận Tối Thượng Thừa*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tuy chúng ta vốn sẵn có tâm vô lậu nhưng vì bị tâm hữu lậu che phủ và làm chướng ngại. Còn các bậc Hiền Thánh ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời tương lai đều do lãnh hội được tâm vô lậu tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả cho đến quả vị Phật.

Chánh văn

Hỏi: Chúng sanh cùng Phật về chơn thể đã đồng, tại sao Chư Phật không sanh không diệt, thọ vô lượng khoái lạc tự tại không ngại, chúng sanh chúng ta đọa trong sanh tử chịu các thứ khổ?

Đáp: Chư Phật mười phương ngộ đạt pháp tánh, đều tự nhiên chiếu sáng nơi nguồn tâm, vọng tưởng không sanh, chánh niệm không mất, tâm ngã sở diệt, nên được không thọ sanh tử.

Không sanh tử nên rốt ráo vắng lặng, cho nên muôn cái vui đầy đủ. Tất cả chúng sanh mê chơn tánh, không biết gốc tâm, các thứ vọng duyên, không tu chánh niệm nên tâm yêu ghét dấy khởi. Do yêu ghét nên có sanh tử, có sanh tử thì các khổ đều hiện.

(Trích từ *Luận Tối Thượng Thừa*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tuy chúng ta vốn có tâm vô lậu nhưng không lãnh hội được nên mới sống với tâm hữu lậu. Bởi vì, chúng ta sống với tâm hữu lậu nên đã tạo tác nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) để rồi phải thọ quả sinh tử khổ đau trong các giới loại. Còn các bậc Hiền Thánh ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời tương lai đều do lãnh hội được tâm vô lậu để tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Chánh văn

Hỏi: Sao biết giữ chơn tâm là cội gốc Niết bàn?

Đáp: Thể của Niết Bàn là vắng lặng vô vi an lạc. Tâm đã là chơn như thì vọng tưởng đoạn; vì vọng tưởng đoạn nên trí tịch chiếu sanh; vì trí tịch chiếu sanh nên được Niết bàn. Cho nên biết giữ chơn tâm mình là cội gốc Niết Bàn.

(Trích từ *Luận Tối Thượng Thừa*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Diệt đế là Niết-bàn, là sự vắng mặt hoàn toàn khổ đế và tập đế (sự tập khởi của năm thủ uẩn).

Niết-bàn còn được gọi với nhiều danh từ như: tịch diệt, viên tịch, vô lậu, tịch tĩnh, chân như, thật tướng, pháp thân, v.v..

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm 30, kinh số 1, Đức Phật dạy: "*Vô lậu là Niết-bàn.*"

Trong kinh *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm *30*, kinh số *1*, Đức Phật dạy: "*Vô lậu là Niết-bàn.*"

Theo *Luận Thành Duy Thức* giải thích về ý nghĩa sai biệt của Niết-bàn thì có bốn loại:

- Tự tính Niết-bàn: Tất cả chúng sinh hữu tình vốn sẵn có tự tính Niết-bàn, tức tâm vô lậu.
- Niết-bàn hữu dư y, tức chân như đã xuất ly phiền não chướng, tuy còn có sở y của khổ mờ nhạt chưa bị diệt nhưng chướng thì đã vĩnh viễn bị dập tắt, do đó nói là Niết-bàn.
- Niết-bàn vô dư y, tức chân như đã xuất ly khổ sinh tử, phiền nào đã hoàn toàn bị diệt tận không còn, dư y cũng diệt, mọi thứ khổ bị dập tắt, nên được gọi là Niết-bàn.
- Vô trụ xứ Niết-bàn: Vì Đức Thế Tôn đã đoạn trừ hoàn toàn phiền não chướng (chấp ngã) và sở tri chướng (chấp pháp) nên đạt Vô trụ xứ Niết-bàn.

Hết thảy hữu tình đều có Niết-bàn thứ nhất. Hạng Nhị thừa vô học có ba Niết-bàn đầu. Duy chỉ nơi đức Phật Thế Tôn mới đầy đủ cả bốn.

Chánh văn

Ban đêm giờ ngồi thiền, hoặc thấy tất cả cảnh giới thiện ác, hoặc nhập các tam muội xanh, vàng, đỏ, trắng,... hoặc thấy thân phát ra hào quang sáng lớn, hoặc thấy thân tướng Phật, hoặc thấy các thứ biến hóa, chỉ biết nhiếp tâm chớ nên đắm trước, thảy đều là không, do vọng tưởng mà thấy vậy. Nếu không được định, không thấy tất cả cảnh giới, cũng không nên lấy làm lạ, chỉ nên trong đi đứng ngồi nằm thường rõ ràng giữ chơn tâm.

(Trích từ *Luận Tối Thượng Thừa*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Khi chúng ta an trụ trong định - tuệ hữu lậu và định - tuệ vô lậu tu tập thì sẽ dẫn sinh ra mười biến xứ: đất, nước, gió, lửa, màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hư không và thức giới. Trong mười biến xứ ấy, không phải do định tâm để tạo ra đất, nước, gió, lửa,… thật như ở bên ngoài mà chúng chỉ là biểu hiện của tâm. Điều đó có nghĩa là từ nơi định tâm sẽ tạo ra những biến tợ như

về đất, nước, gió, lửa, xanh, đỏ, trắng, vàng, hư không và thức giới ở trong tâm. Ví như khi chúng ta an trụ trong định tâm thì sẽ nhận thấy những cảnh biến tợ ở trong tâm như ánh sáng, các màu sắc như xanh, đỏ, trắng, vàng, những hình ảnh về Đức Phật, các vị Bồ-tát, hoặc cảm giác toàn thân to lớn như bụng to, chân to, hoặc cảm giác thân mình ngồi hổng trên mặt đất. Tất cả những cảnh tượng ấy đều chỉ là biến hiện của tâm chứ không phải cảnh có thực như ở bên ngoài. Vì khi đó, nếu chúng ta mở mắt ra thì những cảnh tượng này sẽ hoàn toàn biến mất. Hoặc, do chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu tu tập nên đạt được định tâm. Ở trong định tâm rỗng lặng ấy sẽ không sinh khởi khái niệm về thân và cảnh vật. Đây là do đạt được định tâm chứ không phải là si định hay vô ký định. Bởi vì, tâm an trụ trong định nên hành giả sẽ nhận thấy được tâm rỗng lặng và khái niệm về thân cũng như vạn vật không tập khởi. Tuy vậy, định tâm ấy sẽ không thể duy trì được lâu dài, vì tâm hữu lậu tập khởi nên làm mất định tâm ấy. Nếu chúng ta an trụ được trong định tâm thì sẽ tạo ra lạc thọ và khinh an của thân và tâm. Khi đó,

chúng ta rất muốn được an trụ trong định tâm ấy thật lâu nhưng điều ấy không thể được, vì tâm hữu lậu tập khởi nên sẽ đánh mất định tâm đó. Vì vậy, chúng ta cần phải an trụ trong tâm vô lậu để tiếp tục nỗ lực tu tập cho đến khi đoạn trừ được hoàn toàn tâm hữu lậu. Lúc đó, hành giả sẽ sống trọn vẹn trong tâm vô lậu rỗng lặng và đó mới chính là mục đích tu tập của tất cả chúng ta hướng đến.

Với ý nghĩa đó nên trong *Tạp A-hàm,* kinh *Ca-lê,* số *549,* do HT. Tuệ Sỹ dịch, Ngài Ma-ha Ca-chiên-diên dạy Ưu-bà-di Ca-lê-ca: *"Này chị, có một Sa-môn Bà-la-môn nói: Biến xứ định về đất; không còn gì hơn đây để cầu mong quả này. Này chị, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với biến xứ định về đất, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy được căn bản của nó, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được cội gốc, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tuy tịch diệt nhưng không loạn.*

Này chị, cũng vậy biến xứ định về nước, biến xứ định về lửa, biến xứ định về gió, biến xứ định về màu xanh, biến xứ định về màu vàng, biến xứ định về màu đỏ, biến xứ định về màu trắng; biến xứ định về hư không, biến xứ định về thức là tối thượng để cầu mong quả này.

Này chị, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho đến, biến xứ định về thức, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tịch diệt mà không loạn, khéo thấy, khéo nhập".

*

Chánh văn

Này Thiện tri thức, trí Bát-nhã Bồ-đề, người đời vốn tự có, chỉ nhân vì tâm mê không thể tự ngộ, phải nhờ đến Đại thiện tri thức chỉ đường mới thấy được tánh. Phải biết người ngu, người trí Phật tánh vốn không có khác, chỉ duyên mê ngộ không đồng nên có ngu có trí.

(Trích từ *Pháp Bảo Đàn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Mê ở đây là trạng thái dùng để chỉ cho chúng ta sống với tâm hữu lậu (tạp niệm). Còn ngộ ở đây là trạng thái nhằm để chỉ cho các hành giả lãnh hội được tâm vô lậu. Vốn dĩ, chúng ta đều có tâm vô lậu nhưng vì bị tâm hữu lậu che phủ và làm chướng ngại. Vì thế, muốn lãnh hội được tâm vô lậu, chúng ta phải tìm cầu những bậc thầy rõ được tâm vô lậu để được chỉ dạy. Nhờ đó, chúng ta mới có thể lãnh hội được tâm vô lậu.

Chánh văn

Sao gọi là Ma-ha? Ma-ha là lớn, tâm lượng rộng lớn ví như hư không, không có bờ mé, cũng không có vuông tròn lớn nhỏ, cũng không phải xanh vàng đỏ trắng, cũng không có trên dưới dài ngắn, cũng không sân không hỉ, không phải không quấy, không thiện không ác, không có đầu đuôi; tự tánh chân không cũng lại như thế.

Này Thiện tri thức, Tự tánh hay bao hàm muôn pháp ấy là Đại. Muôn pháp ở trong Tự tánh của mọi người, nếu thấy tất cả người ác cùng với lành, trọn đều không chấp không bỏ, cũng không nhiễm trước, tâm cũng như hư không, gọi đó là Đại, nên nói là Ma-ha.

(Trích từ *Pháp Bảo Đàn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Ma-ha ở đây là chỉ cho tâm gì? Đó là chỉ cho tâm vô lậu. Vì tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên

nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên gọi là Ma-ha, là Bát-nhã, là Ba-la-mật-đa.

Chánh văn

Một niệm ngu tức Bát-nhã bặt, một niệm trí tức Bát-nhã sanh.

(Trích từ *Pháp Bảo Đàn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Trí hữu lậu là trí duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã. Còn trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Cho nên, nếu chúng ta lãnh hội được trí vô lậu (Bát-nhã) thì trí vô lậu sinh nên trí hữu lậu diệt.

Chánh văn

Này Thiện tri thức, phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ-đề. Niệm trước mê tức phàm phu,

niệm sau ngộ tức Phật; niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lìa cảnh tức Bồ-đề.

(Trích từ *Pháp Bảo Đàn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Phàm phu là chỉ cho chúng ta sống với tạp niệm (tham, sân, si). Còn Bồ-đề là chỉ cho tâm vô lậu. Vì vậy, *"phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ-đề"*, nghĩa là tâm nhận biết được như thật (không sinh khởi khái niệm) tạp niệm (tâm phàm phu) thì tâm này chính là tâm vô lậu (Bồ-đề).

Chánh văn

Này Thiện tri thức, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật tối tôn, tối thượng, tối đệ nhất, không trụ, không qua cũng không lại, chư Phật ba đời từ trong đó mà ra. Phải dùng đại trí tuệ này đập phá ngũ uẩn, phiền não, trần lao, tu hành như đây quyết định thành Phật đạo.

(Trích từ *Pháp Bảo Đàn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

"Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật" ở đây là chỉ cho trí vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì thế, trong *Bát-nhã Tâm Kinh*, Bồ-tát Quán Thế Âm dạy: *"Nên biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa là thần chú vĩ đại, là minh chú vĩ đại, là thần chú tối thượng, là thần chú không thể so sánh bằng, chấm dứt mọi khổ đau, chân thật không hư vọng."*

Chánh văn

Tất cả pháp lành nhân nơi Thiện tri thức mà hay phát khởi. Ba đời chư Phật, mười hai bộ Kinh, ở trong tánh của người vốn tự có đủ, không có thể tự ngộ thì phải cầu Thiện tri thức chỉ dạy mới thấy.

(Trích từ *Pháp Bảo Đàn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chư Phật ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai đều do lãnh hội tâm vô lậu tu tập nên thành tựu quả vị Phật. Sau khi thành tựu quả vị Phật,

chư Phật nói ra vô lượng giáo pháp để giáo hóa chúng sinh. Giáo pháp được chư Phật nói ra đó gọi là Kinh. Ngày nay, chúng ta tu học cần phải y cứ vào giáo pháp của chư Phật. Tuy vậy, để hiểu rõ nghĩa giáo pháp của Phật thì chúng ta cần phải nương nhờ vào sự chỉ dạy của những bậc thiện tri thức. Nhờ vậy, chúng ta mới có thể lãnh hội được tâm vô lậu.

Chánh văn

Này Thiện tri thức, pháp môn của ta đây lấy Định Tuệ làm gốc, đại chúng chớ lầm nói Định Tuệ riêng, Định Tuệ một thể không phải là hai. Định là thể của Tuệ, Tuệ là dụng của Định, ngay khi Tuệ, Định ở tại Tuệ, ngay khi Định, Tuệ ở tại Định, nếu biết được nghĩa này tức là cái học Định Tuệ bình đẳng. Ví như ngọn đèn và ánh sáng. Có ngọn đèn tức có ánh sáng, không đèn tức là tối, đèn là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của đèn, tên tuy có hai mà thể vốn đồng một, pháp Định Tuệ này cũng lại như thế.

(Trích từ *Pháp Bảo Đàn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên định - tuệ đồng thời. Tâm thường rỗng lặng gọi là định (thể), ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng cũng như tất cả các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, tím vàng, gọi là tuệ (dụng).

*

Chánh văn

Hỏi: Đã nói vốn tự có sẵn, vì sao không tự thấy phải nhờ nhân duyên?

Đáp: Giống như dưới đất có nước, nếu không ra công đào xới thì trọn không thể được nước. Cũng như ngọc ma-ni nếu không mài giũa trọn không sáng trong. Vì không trong sáng chẳng gọi là ngọc. Kinh Niết-bàn nói: Tất cả chúng sanh không nhờ chư Phật, thiện tri thức phương tiện chỉ dạy truyền trao, trọn không thể được. Nếu người tự thấy thì không có lẽ đó. Do không thấy nên nói trước không

Phật tánh. Phật tánh đó chẳng phải trước không nay có vậy.

(Trích từ *Thần Hội Ngữ Lục*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tất cả chúng ta tuy vốn có tâm vô lậu nhưng không thể tự mình có thể lãnh hội được. Do đó, muốn lãnh hội được tâm này, chúng ta cần phải tìm cầu những bậc thầy đã lãnh hội được tâm vô lậu để được chỉ dạy. Nhờ thế, chúng ta mới có thể lãnh hội được tâm vô lậu này.

Chánh văn

Từ Đạo Vương hỏi: Pháp vô niệm là của phàm phu tu hay là bậc Thánh nhân tu? Nếu là bậc Thánh nhân tu, vì sao khuyên phàm phu tu pháp vô niệm?

Đáp: Vô niệm đó là pháp Thánh nhân. Phàm phu nếu tu vô niệm, tức chẳng phải phàm phu.

(Trích từ *Thần Hội Ngữ Lục*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Pháp vô niệm ở đây là chỉ cho tâm vô lậu. Vì thế, các bậc thánh nhân ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai đều do lãnh hội được tâm vô lậu (pháp vô niệm) để tu tập nên mới thành tựu được tứ thánh quả. Do đó, nếu chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu (pháp vô niệm) thì thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn nên không thuộc hàng phàm phu.

Chánh văn

Lại hỏi: Vô là vô pháp gì? Niệm đó là niệm pháp gì?

Đáp: Vô là không có hai pháp, niệm là chỉ niệm chân như.

(Trích từ *Thần Hội Ngữ Lục*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên mới trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng và vô tác

nên sẽ không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần. Đây là tâm vô niệm, hay vô tướng.

Chánh văn

Hỏi: Phật tánh này giống hay không giống vật?

Đáp: Không giống một vật gì.

Hỏi: Đã không giống vật gì. Vì sao gọi là Phật tánh?

Đáp: Nếu Phật tánh giống một vật, không gọi là Phật tánh.

(Trích từ *Thần Hội Ngữ Lục*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Phật tánh ở đây là chỉ cho tâm vô lậu. Vì tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng và vô tác nên không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng. Vì thế, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy rằng: "*Thật tướng ấy là không tướng, cho nên Như Lai nói là thật tướng*". "*Pháp được chứng đắc bởi Như Lai, pháp ấy không*

phải thật cũng không phải trống rỗng." Cũng như trong *Tạp A-hàm*, kinh *Na-già-đạt-đa (2)*, số *567*, trưởng giả Chất-đa-la nói: "*Tham là có lượng. Nếu vô tránh, là đệ nhất vô lượng. Nghĩa là, tham là có tướng; nhuế, si là có tướng; vô tránh là vô tướng. Tham là sở hữu, sân nhuế là sở hữu, vô tránh là vô sở hữu. Lại nữa, vô tránh là trống không, không có tham, không có sân, không có si, trống không thường trụ chẳng biến đổi, không có ngã, không có ngã sở.*"

*

Chánh văn

Hỏi: Phải tu pháp gì chóng được giải thoát?

Đáp: Chỉ có một môn đốn ngộ là chóng được giải thoát.

– *Thế nào là đốn ngộ?*

– *Đốn là chóng trừ vọng niệm. Ngộ là ngộ không chỗ được.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Vì tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Cho nên, chúng ta cần phải lãnh hội tâm vô lậu để tu tập thì mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Chánh văn

– *Thế nào là thiền? Sao là định?*

– *Vọng niệm chẳng sanh là thiền. Ngồi thấy Bản tánh là định. Bản tánh là tâm vô sanh của ông vậy.*

(Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Bởi tâm này là không, vô tướng và vô tác nên định - tuệ đồng thời. Tâm thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng cũng như tất cả các pháp thiện, ác, xanh, đỏ, tím, vàng,… gọi là tuệ.

Chánh văn

– *Tâm trụ chỗ nào là trụ?*

– *Tâm trụ chỗ không trụ là trụ.*

– *Thế nào là chỗ không trụ?*

– *Chẳng trụ tất cả chỗ, ấy là trụ chỗ không trụ.*

– *Thế nào là chẳng trụ tất cả chỗ?*

– *Chẳng trụ tất cả chỗ là: chẳng trụ nơi lành dữ, có không, trong ngoài, chặng giữa, chẳng trụ không, cũng chẳng trụ chẳng không, chẳng trụ định, cũng chẳng trụ chẳng định, tức là chẳng trụ tất cả chỗ. Chỉ cái chẳng trụ tất cả chỗ, ấy là chỗ trụ. Người được như thế, gọi là tâm không trụ. Tâm không trụ là tâm Phật.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên mới trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng,

vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác cho nên sẽ không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần. Bởi vì tâm này không trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần nên tất cả chỗ đều không tâm; vì tất cả chỗ đều không tâm (không sinh khởi khái niệm) nên không trụ ở bên này, không trụ ở bên kia và không trụ ở giữa, gọi là tâm không trụ.

Chánh văn

– *Tâm ấy giống vật gì?*

– *Tâm ấy chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, chẳng phải dài ngắn tới lui, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng sanh chẳng diệt, yên tịnh thường lặng lẽ. Đó là hình tướng của Bản tâm.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không có tướng nam nữ, xanh đỏ, tím

vàng,… Vì vậy, trong *Bát-nhã Tâm Kinh*, Bồ-tát Quán Thế Âm dạy: *"Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sinh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt".*

Chánh văn

Kinh Niết-bàn trong phẩm Kim Cang Thân nói: "không thể thấy mà thấy rõ ràng, không có biết mà không chẳng biết" là thế nào?

Không thể thấy, vì cái thể của Tự tánh không hình tướng, không thể có, nên nói "không thể thấy". Song cái thấy không thể được đó, thể nó yên tịnh lặng lẽ, không có tới lui, chẳng lìa dòng đời, mà dòng đời không lôi cuốn được nó, thản nhiên tự tại, tức là thấy rõ ràng.

Không có biết, vì Tự tánh không hình, vốn không phân biệt, nên nói "không có biết". Không chẳng biết, vì trong cái thể không phân biệt ấy đầy đủ hằng sa diệu dụng. Hay phân biệt tất cả, thì không việc gì chẳng biết, nên nói "không chẳng biết". Kệ Bát-nhã nói: "Bát-nhã không biết, không việc gì chẳng biết; Bát-nhã không thấy, không chỗ nào chẳng thấy."

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này không, vô tướng, vô tác nên sẽ không trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Vì trí này không trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần nên thấy, nghe, biết… mà không có một tướng để thấy, nghe, biết... Vì trí này thấy, nghe biết… mà không có một tướng để thấy, nghe, biết… nên không việc gì không thấy, không biết. Đây là cái thấy, cái biết của tâm vô lậu.

Chánh văn

– *Kinh nói: "Chẳng thấy có không là chân giải thoát." Thế nào là chẳng thấy có không?*

– *Khi chứng được tâm thanh tịnh gọi là có, trong đó chẳng sanh cái tưởng được tâm thanh tịnh, gọi là chẳng thấy có. Được cái tâm không sanh không trụ, mà không khởi tưởng được không sanh không trụ, gọi là chẳng thấy không, nên nói chẳng thấy có không. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Biết thấy lập biết là gốc*

vô minh, biết thấy không thấy, đây là Niết-bàn." Cũng gọi là giải thoát.

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm trí vô lậu hay không phải trí vô lậu. Vì vậy, trong *Bát-nhã Tâm Kinh*, Bồ-tát Quán Thế Âm dạy: *"Cho nên trong Tánh không, nó không có trí và không có một pháp gì để chứng đắc"*.

Chánh văn

– *Thế nào là không có chỗ thấy?*

– *Nếu thấy kẻ nam người nữ và tất cả màu sắc hình tượng, mà ở trong đó không khởi tâm yêu ghét thì cùng không thấy chẳng khác, ấy là không có chỗ thấy.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên mới sinh khởi khái niệm thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, tím vàng,… Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên sẽ không sinh khởi khái niệm thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, tím vàng,... Vì tâm này không sinh khởi khái niệm thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, tím vàng… nên không có tướng để thấy. Vì tâm này không có tướng để thấy nên tất cả chỗ đều không tâm. Vì tất cả chỗ đều không tâm nên không có chỗ để trụ. Vì không có chỗ để trụ nên sẽ không trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Đây là tâm vô trụ.

Chánh văn

– *Khi đối tất cả màu sắc hình tượng thì gọi là thấy, khi chẳng đối màu sắc hình tượng cũng gọi là thấy chăng?*

– *Gọi thấy!*

– *Khi đối vật là có thấy, khi không đối vật làm sao có thấy?*

– *Nay nói thấy, không luận đối vật cùng chẳng đối vật. Vì sao? Vì tánh thấy thường hằng, khi có vật thì thấy vật, khi không vật thì thấy không. Thế nên biết, vật tự có đi lại, tánh thấy không có đi lại, các căn (tai, mũi, lưỡi, thân…) cũng như vậy.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên dù có sáu trần hay không có sáu trần, tâm này vẫn thường thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận biết. Cho nên, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy: "*Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*".

Chánh văn

– *Ngay khi thấy vật, trong cái thấy có vật chăng?*

– *Trong cái thấy chẳng lập vật.*

– *Ngay khi thấy không vật, trong cái thấy có không vật chăng?*

– *Trong cái thấy chẳng lập không vật.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*, do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chánh kiến vô lậu là chánh kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác cho nên dù có sắc hay không có sắc thì vẫn thường thấy. Vả lại, chánh kiến này là thường thấy nên không sinh khởi khái niệm thấy có sắc hay không thấy có sắc.

Chánh văn

– *Khi có tiếng là có nghe, khi không tiếng lại được nghe chăng?*

– *Cũng nghe.*

– *Khi có tiếng là từ tiếng có nghe, khi không tiếng làm sao được nghe?*

– *Nay nói nghe chẳng luận có tiếng không tiếng. Vì sao? Vì tánh nghe thường hằng. Khi có tiếng liền nghe, khi không tiếng cũng nghe.*

– *Người nghe như thế là ai?*

– *Là tánh nghe của mình, cũng gọi là người biết nghe.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*, do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên dù có thanh trần hay không có thanh trần thì vẫn thường nghe. Cho nên, trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy: *"Biết có biết không tự là thanh trần hoặc không hoặc có, chứ tánh nghe kia há lại vì Thầy mà thành có thành không. Tiếng trong cái nghe tự có sinh diệt, chẳng phải vì Thầy*

nghe tiếng sinh tiếng diệt, khiến cho tánh nghe của Thầy là có hay là không".

Chánh văn

– *Thế nào là chánh niệm?*

– *Chánh niệm là chỉ niệm Bồ-đề.*

– *Bồ-đề có thể được chăng?*

– *Bồ-đề không thể được.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*, do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chánh niệm gồm chánh niệm hữu lậu và chánh niệm vô lậu. Chánh niệm vô lậu chính là tâm vô lậu. Cho nên, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập bát chánh đạo vô lậu. Chính tâm vô lậu là định – tuệ đồng thời. Tâm thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy thường có trí tuệ nhận biết được tâm rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v.. gọi là tuệ. Trong bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ;

chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, các bậc thánh giả an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Do đó, các bậc thánh giả tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) đã

đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).

Chánh văn

– *Thế nào là chánh kiến?*

– *Thấy mà không có chỗ thấy là chánh kiến.*

– *Thế nào thấy mà không có chỗ thấy?*

– *Khi thấy tất cả sắc không khởi nhiễm trước. Không nhiễm trước thì không khởi tâm yêu ghét, ấy là thấy mà không có chỗ thấy. Nếu khi được thấy mà không có chỗ thấy gọi là con mắt Phật, trọn không có con mắt khác. Nếu khi thấy tất cả sắc khởi yêu ghét, ấy là có chỗ thấy. Có chỗ thấy là con mắt chúng sanh, trọn không có con mắt khác làm con mắt chúng sanh, cho đến các căn cũng lại như thế.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chánh kiến gồm chánh kiến hữu lậu và chánh kiến vô lậu. Chánh kiến hữu lậu là chánh kiến duyên sinh nên mới sinh khởi khái niệm thiện ác,… đây là cái thấy của chúng sinh. Còn chánh kiến vô lậu là chánh kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Bởi vì chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm thiện ác,… đây là cái thấy của các bậc thánh.

Chánh văn

– *Nói lấy Trí làm Dụng, thế nào là Trí?*

– *Biết hai tánh không tức là giải thoát. Nói hai tánh không là chẳng sanh tâm có không, lành dữ, yêu ghét vậy.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*, do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên định – tuệ đồng thời. Tâm thường rỗng

lặng gọi là định (thể), ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng cũng như tất cả các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, tím vàng,… gọi là tuệ (dụng).

Chánh văn

– *Nghĩa giới định tuệ thế nào?*

– *Thanh tịnh không nhiễm là Giới. Biết tâm chẳng động, đối cảnh vắng lặng là Định. Khi biết tâm chẳng động mà chẳng sanh tưởng chẳng động, khi biết tâm thanh tịnh mà chẳng sanh tưởng thanh tịnh, cho đến thiện ác đều hay phân biệt, mà ở trong ấy không nhiễm, được tự tại, ấy gọi là Tuệ.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập bát chánh đạo vô lậu. Chính tâm vô lậu là định – tuệ đồng thời. Tâm thường rỗng lặng gọi là định,

ở trong tâm ấy thường có trí tuệ nhận biết được tâm rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v.. gọi là tuệ. Trong bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, các bậc thánh giả an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Do đó, các bậc thánh giả tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới

vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) đã đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).

Chánh văn

– *Nếu khi tâm trụ tịnh, chẳng phải chấp tịnh sao?*

– *Khi được trụ tịnh, mà chẳng khởi tưởng trụ tịnh, ấy là không chấp tịnh.*

– *Tâm khi trụ không, chẳng phải chấp không chăng?*

– *Nếu khởi tưởng không, gọi là chấp không.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*, do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm tâm vô lậu hay không phải tâm vô lậu. Nếu sinh khởi khái niệm tâm vô lậu thì sẽ trở thành tâm hữu lậu.

Chánh văn

– *Kinh Niết-bàn nói: "Định tuệ đồng nhau gọi là giải thoát." Nghĩa đó thế nào?*

– *Đối tất cả thiện ác đều phân biệt là tuệ; đối với cái bị phân biệt chẳng khởi yêu ghét, chẳng nhiễm trước nó là định, đây là định tuệ đồng dùng vậy.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên định – tuệ đồng thời. Tâm thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận

biết được tâm thường rỗng lặng cũng như tất cả các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, tím vàng,… gọi là tuệ.

Chánh văn

– *Không bàn không nói gọi là định, chính khi bàn nói được gọi là định chăng?*

– *Nay nói định, chẳng luận nói cùng chẳng nói, vẫn thường định. Vì sao? Vì khi dùng tánh định nói năng phân biệt thì nói năng phân biệt cũng là định. Cho đến thấy nghe hiểu biết cũng như thế. Vì cớ sao? Vì Tự tánh không thì đối tất cả chỗ đều không.*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Các bậc thánh nhân đã sống trong tâm vô lậu để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, đi hay đứng, nằm hay ngồi, thức hay ngủ, nói hay im lặng nên tâm vẫn thường an trụ trong định và tuệ vô lậu.

Chánh văn

– *Nói Phật với Pháp, là Phật có trước hay Pháp có trước? Nếu Pháp có trước thì Pháp ấy do Phật nào nói? Nếu Phật có trước thì nương giáo pháp nào được thành đạo?*

– *Phật cũng có trước Pháp, cũng có sau Pháp.*

– *Nhân đâu nói Phật, Pháp có trước sau?*

– *Nếu căn cứ Pháp tịch diệt mà nói thì Pháp trước Phật sau. Nếu căn cứ Pháp văn tự mà nói thì Phật trước Pháp sau. Vì cớ sao? Vì tất cả chư Phật đều nhân nơi Pháp tịch diệt mà được thành Phật, tức là Pháp trước Phật sau.*

Kinh nói: "Làm thầy chư Phật, ấy là Pháp vậy." Sau khi thành đạo rồi, Phật mới nói rộng mười hai bộ kinh dẫn dắt giáo hóa chúng sanh, chúng sanh nương nơi pháp Phật giáo hóa tu hành được thành Phật, ấy là Phật trước Pháp sau.

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chư Phật ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai đều do lãnh hội tâm vô lậu tu tập nên mới thành tựu Vô Thượng Bồ-đề. Sau khi thành Phật, các Ngài đã ứng thân ở trong vô số quốc độ để thuyết pháp giáo hóa chúng sinh. Vì thế, trong *Bát-nhã Tâm Kinh*, Bồ-tát Quán Thế Âm dạy: *"Chư Phật trong ba đời sống trọn vẹn với Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."*

Chánh văn

Có người hỏi:

– *Bát-nhã lớn chăng?*

Ngài đáp:

– *Lớn.*

– *Lớn bằng chừng nào?*

– *Không có ngằn mé.*

– *Bát-nhã nhỏ chăng?*

– *Nhỏ.*

– *Nhỏ bằng chừng nào?*

– *Xem chẳng thấy.*

– *Chỗ nào là Bát-nhã?*

– *Chỗ nào chẳng phải Bát-nhã?*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Bát-nhã là trí vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên rộng lớn không có bờ mé.

Nếu luận về nghĩa của trí thì chúng ta vốn có trí hữu lậu và trí vô lậu. Trí hữu lậu gồm trí hữu lậu bất thiện và trí hữu lậu thiện. Trí hữu lậu bất thiện chính là tà kiến và tà tư duy. Trí hữu lậu thiện chính là chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu. Trí hữu lậu là trí duyên sinh nên có tính năng thủ và sở thủ. Vì thế, khi chúng ta an trụ trong trí hữu lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật, nhận thức

pháp trần thì có tướng (có khái niệm) để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận thức. Tướng ở đây chính là tướng của trí hữu lậu (tướng của vọng niệm), chứ không phải là tướng của các cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nghĩa là, chúng ta sẽ không bao giờ nhận thấy được như thật các sắc, nghe được như thật các âm thanh, ngửi được như thật các hương, nếm được như thật các vị, xúc chạm được như thật các vật và nhận biết được như thật pháp trần. Bởi vì, theo *Luận Thành Duy Thức*, khi mỗi tâm vương và tâm sở tập khởi thì chúng tạo thành ba phần hoặc bốn phần. Ba phần là kiến phần, tướng phần và tự chứng phần. Bốn phần là kiến phần, tướng phần, tự chứng phần và chứng tự chứng phần. Từ nơi tự chứng phần sản sinh kiến phần và tướng phần. Rồi chính kiến phần vin đến tướng phần khái niệm chấp làm thực ngã và thực pháp. Vì thế, cho dù chúng ta có thức hay đang ngủ thì vẫn sống với kiến phần và tướng phần của các nội thức, tức sống trong mộng. Vì vậy, do chúng sinh đã sống với tâm tà kiến và tà tư duy nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Do đó, sau khi xả bỏ báo thân, những vị ấy phải thọ quả báo khổ

đau nơi các cõi khổ. Còn chúng ta sống với tâm chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu nên sẽ dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Cho nên, sau khi xả bỏ báo thân, chúng ta sẽ thọ quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại.

Trí vô lậu chính là chánh kiến và chánh tư duy vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không có tính năng thủ và sở thủ mà chỉ có trí nhận biết như thật tất cả pháp. Vì vậy, các bậc thánh giả an trụ trong trí vô lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật, nhận biết như thật pháp trần nên không có tướng (không sinh khởi khái niệm) để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận biết. Vô tướng ở đây chính là vô tướng của trí vô lậu (hay vô tướng của tâm vô lậu), chứ không phải là vô tướng của các cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc. Bởi những bậc thánh giả sống với trí vô lậu tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Do đó, khi hành giả lãnh hội được trí vô lậu thì sẽ đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ,

nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập làm giảm tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên thành tựu quả vị A-la-hán (Niết-bàn). Tuy nhiên, nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các Ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng thập địa. Vì thế, các bậc thánh A-la-hán vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ sở tri chướng để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như

Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10), hàng Bồ-tát Đẳng Giác và cho đến thành tựu quả vị Phật (Diệu Giác).

Chánh văn

Có Pháp sư hỏi:

– *Trì kinh Bát-nhã công đức rất nhiều, Thầy có tin chăng?*

Sư đáp:

– *Chẳng tin.*

– *Nếu vậy sự linh nghiệm truyền lại hơn mười quyển đều không thể tin sao?*

– *Kinh là chữ giấy mực, chữ giấy mực tánh nó không, thì chỗ nào có linh nghiệm? Sự linh nghiệm tại người trì kinh dụng tâm nên thần thông cảm vật. Thử đem một quyển kinh để trên bàn không có người thọ trì, tự nó có linh nghiệm chăng?*

(Trích từ *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Ngôn ngữ, văn tự là phương tiện để truyền tải những nội dung ý nghĩa trong Kinh văn, nhưng bản thân nó không có tâm thức nên tự nó không thể tạo ra được sự linh nghiệm. Sự linh nghiệm của việc trì kinh đó là do sự tu tập ở nơi tâm của mỗi chúng ta.

*

Chánh văn

Chư Phật cùng tất cả chúng sanh chỉ là một tâm, không có pháp riêng. Tâm này từ vô thủy đến nay không từng sanh không từng diệt, không xanh không vàng, không hình không tướng, không thuộc có không, không kể mới cũ, chẳng dài chẳng ngắn, chẳng lớn chẳng nhỏ, vượt qua tất cả hạn lượng danh ngôn dấu vết đối đãi, chính thẳng đó là phải. Ví như hư không không có giới hạn, không thể đo lường.

(Trích từ *Truyền Tâm Pháp Yếu*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tất cả chúng ta vốn sẵn có tâm vô lậu. Tâm này là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Bởi vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt, không có tướng xanh vàng, dài ngắn,… Cho nên, trong *Bát-nhã Tâm Kinh,* Bồ-tát Quán Thế Âm dạy: *"Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt".*

Chánh văn

Duy một tâm này tức là Phật. Chỉ vì chúng sanh chấp tướng cầu bên ngoài, càng cầu càng mất, đem tâm bắt tâm, mãn đời cùng kiếp trọn không thể được. Họ chẳng biết, dứt nghĩ quên tính, Phật tự hiện tiền.

(Trích từ *Truyền Tâm Pháp Yếu*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chúng ta vốn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên

vô thường, khổ và phi ngã. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì vậy, nếu chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu tu tập thì sẽ đạt được tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật.

Chánh văn

Tâm này tức là Phật. Khi làm chúng sanh tâm này không giảm, khi làm chư Phật tâm này không thêm.

(Trích từ *Truyền Tâm Pháp Yếu*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chúng ta vốn có tâm vô lậu. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu nên mới đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi và thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập làm vơi mỏng tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên đạt được bậc thánh

Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm lại tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên đạt được thánh quả A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế (năm thủ uẩn) nên thành tựu quả vị A-la-hán. Tuy nhiên, nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống Đại thừa thì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các Ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng thập địa. Vì thế, các bậc thánh A-la-hán vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ sở tri chướng để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10), hàng Bồ-tát Đẳng Giác và cho đến thành tựu quả vị Phật (Diệu Giác).

Chánh văn

Chỉ nên thẳng đó vô tâm thì bản thể tự hiện. Chỉ nơi cái thấy nghe hiểu biết nhận bản tâm. Song bản tâm không thuộc cái thấy nghe hiểu biết, cũng không rời cái thấy nghe hiểu biết. Cốt yếu là chớ ở trên cái thấy nghe hiểu biết khởi phân biệt, cũng chớ ở trên cái thấy nghe hiểu biết mà động niệm, cũng chớ lìa cái thấy nghe hiểu biết tìm tâm, cũng chớ bỏ cái thấy nghe hiểu biết mà nhận pháp.

(Trích từ *Truyền Tâm Pháp Yếu*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chúng ta vốn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên mới sinh khởi khái niệm đối với các pháp như sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên sẽ không sinh khởi khái niệm đối với các pháp như sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Với ý nghĩa này, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy tâm

vô lậu qua nơi sáu căn: "*Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*".

*

Chánh văn

Hỏi: Nay chính khi vọng niệm khởi, Phật ở tại chỗ nào?

Đáp: Nay khi ông biết vọng khởi, biết ấy chính là Phật.

(Trích từ *Uyển Lăng Lục*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Vọng niệm là tâm hữu lậu. Còn tâm nhận biết được như thật (không sinh khởi khái niệm) sự tập khởi của vọng niệm thì tâm này chính là tâm vô lậu.

*

Chánh văn

Hỏi: Đã sanh chánh tín, nhưng chưa biết thế nào gọi là Chân tâm?

Đáp:

– *Lìa vọng gọi là chân tâm.*

– *Chỉ gọi Chân tâm thôi, hay có tên riêng khác nữa chăng?*

– *Phật dạy, Tổ dạy lập danh không đồng nhau. Phật dạy trong Bồ-tát Giới gọi là Tâm Địa, vì hay phát sanh muôn việc thiện. Kinh Bát-nhã gọi là Bồ-đề, vì lấy giác làm thể. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Giới, vì giao triệt và dung nhiếp. Kinh Kim Cang gọi là Như Lai, vì không từ đâu đến. Kinh Bát-nhã gọi là Niết-bàn, vì là chỗ quy hướng của chư Thánh. Kinh Kim Quang Minh gọi là Như Như, vì chân thường bất biến. Kinh Tịnh Danh gọi là Pháp Thân, vì là chỗ nương của báo thân và hoá thân. Luận Khởi Tín gọi là Chân như, vì chẳng sanh chẳng diệt.*

Kinh Niết-bàn gọi là Phật tánh, vì là bản thể của ba thân. Kinh Viên Giác gọi là Tổng Trì, vì mọi công đức từ đó mà lưu xuất. Kinh Thắng Man gọi là Như Lai tạng, vì ẩn phú và hàm nhiếp. Kinh Liễu Nghĩa gọi là Viên Giác, vì hay chiếu phá mờ tối.

Do đây nên ngài Vĩnh Minh Thiền sư trong Duy Tâm Quyết nói: "Một pháp có ngàn tên, tùy theo duyên mà lập hiệu". Tất cả còn đầy đủ trong các Kinh, không thể kể ra hết được.

(Trích từ *Chơn Tâm Trực Thuyết*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chúng ta vốn có vọng tâm và chân tâm. Trong đó, vọng tâm là tâm duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã. Còn chân tâm là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Cho nên, tâm nhận biết được như thật vọng tâm thì tâm này chính là chân tâm.

Chánh văn

Hỏi: Phật dạy đã biết, Tổ dạy như thế nào?

Đáp: Cửa Tổ sư dứt tuyệt danh ngôn, danh còn chẳng lập, sao lại có nhiều tên? Chỉ vì ứng theo cơ duyên nên tên cũng lắm. Có lúc gọi là Tự Kỷ, vì là bản tánh của chúng sanh. Có lúc gọi là Chánh Nhãn, vì hay soi tướng của muôn loài. Có lúc gọi là Diệu tâm, vì hư linh và tịch chiếu. Có lúc gọi là Chủ Nhơn Ông, vì xưa nay từng gánh vác. Có lúc gọi là Bát không đáy, vì tùy chỗ sanh nhai. Có lúc gọi là Đờn không dây, vì hiện ra điệu vận. Có lúc gọi là Vô tận đăng, vì hay chiếu phá mê tình. Có khi gọi là Cây không rễ, vì gốc rễ bền chắc. Có khi gọi là Suy mao kiếm, vì hay chặt đứt căn trần. Có lúc gọi là Nước vô vi, vì sóng êm bể lặng. Có lúc gọi là Mâu ni châu, vì hay giúp đỡ người nghèo khó. Có lúc gọi là Vô nhu tỏa, vì sáu cửa tình đóng. Cho đến nào là trâu đất, ngựa gỗ, tâm nguyên, tâm ấn, tâm cảnh, tâm nguyệt, tâm châu, v.v... nhiều tên khác nhau không thể ghi ra cho hết. Nếu đạt được Chân tâm thì các tên đều hiểu cả. Bằng mê muội Chân tâm thì còn bị trệ nơi

các tên. Cho nên đối với Chân tâm cần yếu nên xét kỹ.

(Trích từ *Chơn Tâm Trực Thuyết*, do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tuy chân lý (vô lậu) chỉ có một nghĩa nhưng tùy theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận và các ngữ lục của các bậc thánh nhân để quy ước nhiều tên gọi khác nhau.

Chánh văn

Hỏi: Chân tâm đã biết tên, còn thể nó như thế nào?

Đáp: Trong Kinh Phóng Quang Bát-nhã nói: "Bát-nhã không có tướng có và tướng sanh diệt". Luận Khởi Tín nói: "Tự thể của Chân như, tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát và chư Phật đều không thêm bớt, cũng chẳng phải trước sanh sau diệt, mà rốt ráo thường còn. Từ xưa tới nay tánh nó tự đầy đủ tất cả công đức".

(Trích từ *Chơn Tâm Trực Thuyết*, do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sanh không diệt, không sinh khởi khái niệm dơ sạch, thêm bớt.

Chánh văn

Hỏi: Thể dụng của Chân tâm chưa biết là một hay khác?

Đáp: Thể dụng của tâm này chẳng phải một chẳng phải khác. Tại sao thế?

Diệu thể thì bất động, dứt mọi đối đãi và lìa tất cả tướng. Diệu dụng tùy duyên ứng khắp muôn loài nên chẳng phải một.

Lại, dụng từ thể phát ra, dụng không lìa thể. Thể hay phát dụng, thể chẳng lìa dụng. Nhằm vào cái lý bất tương ly này, nên chẳng phải khác.

(Trích từ *Chơn Tâm Trực Thuyết*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Bởi tâm này là không, vô tướng, vô tác nên định – tuệ đồng thời. Chân tâm thường rỗng lặng gọi là định (thể), ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng cũng như tất cả các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, tím vàng,… gọi là tuệ (dụng).

Chánh văn

Hỏi: Thể dụng của Chân tâm mọi người đều có đủ. Vì sao nơi Thánh phàm chẳng đồng?

Đáp: Nơi Thánh phàm Chân tâm vốn đồng, vì phàm phu vọng tâm nhận vật, nên mất tự tánh thanh tịnh, do đây bị ngăn cách. Thế nên Chân tâm không được hiện tiền. Ví như bóng cây trong tối, dòng nước chảy ngầm dưới đất, có nhưng không biết. Nên biết, Chân tâm tuy ở trần lao mà không bị trần lao làm nhiễm. Như bạch ngọc ném vào bùn, màu sắc không đổi.

(Trích từ *Chơn Tâm Trực Thuyết*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Tất cả chúng ta vốn có vọng tâm và chân tâm. Vọng tâm (sự tập khởi của ngũ uẩn) là khổ đế - tập đế. Còn chân tâm là diệt đế và đạo đế vô lậu. Tuy chúng ta vốn có chân tâm nhưng vì bị vọng tâm che phủ và làm chướng ngại. Còn các bậc thánh nhân ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai đều do lãnh hội được chân tâm tu tập nên mới thành tựu được tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật.

Chánh văn

Hỏi: Chưa biết nhà Thiền dùng phương pháp gì để điều phục vọng tâm?

Đáp: Lấy pháp vô tâm để trị vọng tâm.

(Trích từ *Chơn Tâm Trực Thuyết*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Vọng tâm là tâm duyên sinh nên thuộc khổ đế - tập đế. Còn vô tâm ở đây là chân tâm. Chân tâm là diệt đế - đạo đế vô lậu. Chân tâm là tâm phi

nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Để đoạn trừ được vọng tâm thì chúng ta phải lãnh hội được chân tâm. Vì thế, khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chân tâm thì sẽ bắt đầu tu tập bát chánh đạo vô lậu. Chân tâm là định - tuệ đồng thời. Chân tâm thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v.. gọi là tuệ. Trong bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định. Vì vậy, khi các bậc thánh giả an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Do đó, các bậc thánh giả tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) đã đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).

Chánh văn

Hỏi: Người vô tâm chẳng khác cây cỏ. Xin lập bày phương tiện về thuyết vô tâm?

Đáp: Nay nói vô tâm ấy chẳng phải thể của nó vô tâm mà gọi là vô tâm. Chỉ trong tâm không vật

nên gọi là vô tâm. Căn cứ đây mà xét thì không vọng tâm, chớ không phải không có Chân tâm diệu dụng.

(Trích từ *Chơn Tâm Trực Thuyết*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Vô tâm ở đây là chỉ cho chân tâm. Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không có vọng tâm. Vì tâm này không có vọng tâm nên gọi là vô tâm.

Chánh văn

Hỏi: Thường nghe người kiến tánh ra khỏi sanh tử, nhưng từ xưa chư Tổ là người kiến tánh sao đều có sanh tử? Nay hiện thấy người tu trong đời đều có chết sống. Thế sao nói rằng ra khỏi sanh tử?

Đáp: Nên tin biết rằng đạt ngộ Chân tâm vốn không sanh tử. Nay biết không sanh tử mà không thể thoát sanh tử, vì công phu không đến vậy.

Cho nên trong Kinh nói: "Am Bà Nữ hỏi Văn Thù rằng: Rõ biết sanh là pháp chẳng sanh, vì sao lại bị sanh tử cuốn trôi? Văn Thù đáp: Vì sức kia chưa đầy đủ".

(Trích từ *Chơn Tâm Trực Thuyết*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả: bậc thánh Tu-đà-hoàn đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm làm giảm hay mỏng tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn, gọi là Nhất lai. Bậc thánh A-na-hàm đoạn trừ năm hạ phần câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới), gọi là Bất lai. Bậc thánh A-la-hán đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế (vô minh) nên đạt được Niết-bàn. Cho nên, chỉ có những bậc thánh A-la-hán mới giải thoát khổ đau thuộc về phần đoạn sinh tử.

Chánh văn

Hỏi: Chân tâm hiện tiền, thế nào biết Chân tâm được thành thục vô ngại?

Đáp: Người học đạo khi đã được Chân tâm hiện tiền, nhưng tập khí chưa trừ, nếu gặp cảnh quen thuộc có lúc thất niệm. Như chăn trâu, tuy điều phục nó, dẫn dắt nó đến chỗ như ý rồi, mà còn chẳng dám buông dây dàm và roi. Đợi đến tâm nó điều phục, bước đi ổn thỏa, dù chạy vào lúa mạ cũng không hại đến lúa mạ, lúc ấy mới dám buông tay. Đến lúc này chú mục đồng không còn dùng dây dàm và roi nữa, tự nhiên con trâu không hại đến lúa mạ. Như đạo nhân sau khi nhận được Chân tâm, trước lại dụng công bảo dưỡng, đến khi có lực dụng lớn, mới có thể lợi sanh.

(Trích từ *Chơn Tâm Trực Thuyết*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay chân tâm thì đoạn trừ được

thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong chân tâm tu tập điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của vọng tâm để đạt được thánh quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm và cho đến quả vị A-la-hán. Những bậc thánh thuộc hàng Hữu học (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm) chưa đoạn trừ được hoàn toàn vọng tâm. Chỉ có những hàng Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên giác thừa), hàng Bồ-tát bát địa (Bồ-tát thừa) mới đoạn trừ hoàn toàn được vọng tâm (khổ đế - tập đế) nên đạt được Niết-bàn.

Chánh văn

Hỏi: Chân tâm cùng vọng tâm khi đối cảnh làm sao phân biệt chân vọng?

Đáp: Vọng tâm đối cảnh có biết, nhưng mà biết nơi cảnh thuận nghịch rồi khởi tâm tham sân. Còn Chân tâm không biết mà biết, chiếu khắp bình đẳng nên khác với cây cỏ. Chẳng sanh yêu ghét nên khác với vọng tâm. Tức đối

cảnh rỗng sáng, chẳng yêu chẳng ghét, chẳng biết mà biết ấy là Chân tâm.

(Trích từ *Chơn Tâm Trực Thuyết*,
do HT. Thích Thanh Từ dịch)

Giải nghĩa

Vọng tâm (tham, sân, si) là tâm duyên sinh nên mới trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Còn chân tâm (không tham, không sân, không si) là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần.

*

Chánh văn

Này các bạn tu, tâm pháp không hình tướng, thông suốt mười phương, nơi mắt gọi là cái thấy, nơi tai gọi là cái nghe, nơi mũi gọi là cái ngửi, nơi miệng gọi là đàm luận, nơi tay gọi là cầm nắm, nơi chân

gọi là cái chạy nhảy, tất cả chỉ từ một cái tinh minh (shining) chia ra thành sáu hòa hợp.

(Trích từ *Lâm Tế Ngữ Lục*,
do Thiền sư Thích Nhất Hạnh dịch)

Giải nghĩa

Tuy tâm vô lậu chỉ có một tâm nhưng khi dụng ra ở nơi mắt gọi tên là tánh thấy, ở nơi tai gọi tên là tánh nghe, ở nơi mũi gọi tên là tánh ngửi, ở nơi lưỡi gọi tên là tánh vị, ở nơi thân gọi là tánh xúc và ở nơi ý gọi tên là tánh biết.

Chánh văn

Hỏi: 'Thế nào là chánh kiến?'

Thiền sư đáp:

Chánh kiến là thấy rằng chính cái con người không cần chỗ tựa đang nghe pháp kia chính là mẹ của chư Bụt. Tại sao? Tại vì các đức Thế Tôn đều do chỗ không nương tựa mà phát sinh.

(Trích từ *Lâm Tế Ngữ Lục*,
do Thiền sư Thích Nhất Hạnh dịch)

Giải nghĩa

Chánh kiến gồm chánh kiến hữu lậu và chánh kiến vô lậu. Trong đó, chánh kiến hữu lậu là chánh kiến duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Còn chánh kiến vô lậu là chánh kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Do đó, các bậc thánh nhân ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai đều do lãnh hội được chánh kiến vô lậu tu tập, đoạn trừ khổ đế - tập đế nên thành tựu được tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Chánh văn

Nếu các vị muốn được tự do đi lại trong sinh tử thì hãy nhận diện cho được con người đang nghe pháp đây, tuy là vô hình, vô tướng, vô căn, vô bản, không có trú xứ, nhưng linh động hoạt bát vô cùng, có thể thi thiết ra muôn ngàn diệu dụng, mà công dụng nào cũng đều có tính cách vô trụ.

(Trích từ *Lâm Tế Ngữ Lục*,
do Thiền sư Thích Nhất Hạnh dịch)

Giải nghĩa

Chúng ta vốn có trí hữu lậu và trí vô lậu. Trí hữu lậu là trí duyên sinh nên trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Còn trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Vì vậy, chúng ta muốn đoạn trừ được khổ đế - tập đế để đạt được diệt thánh đế thì phải lãnh hội trí vô lậu để tu tập (đạo đế vô lậu).

Chánh văn

Sáu phép thần thông của Bụt rất khác. Bụt đi vào cảnh giới của Sắc mà không bị sắc mê hoặc, đi vào cảnh giới của Thanh mà không bị thanh mê hoặc, đi vào cảnh giới của Hương mà không bị hương mê hoặc, đi vào cảnh giới của Vị mà không bị vị mê hoặc, đi vào cảnh giới của Xúc mà không bị xúc mê hoặc, đi vào cảnh giới của Pháp mà không bị pháp mê hoặc.

(Trích từ *Lâm Tế Ngữ Lục*,
do Thiền sư Thích Nhất Hạnh dịch)

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu (tham, sân, si) là tâm duyên sinh nên trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Còn tâm vô lậu (không tham, không sân, không si) là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Do tâm này không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần nên tất cả chỗ đều không tâm. Vì tất cả chỗ đều không tâm nên không bị cảnh làm mê hoặc. Cho nên, các bậc thánh nhân ở trong thời quá khứ, thời hiện tại, thời vị lai đều do lãnh hội tâm vô lậu tu tập nên thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

*

Chánh văn

Sự linh động nhiệm mầu của Bát Nhã là tông thể (căn bản) cùng cực của tam thừa. Kỳ thực chân tâm bất nhị, chẳng có sai biệt. Sự chiếu dụng của Bát Nhã không cần tác ý, cho nên chân tâm của bậc thánh nếu trống rỗng trong sạch được chừng nào,

thì sự chiếu dụng đầy đủ chừng nấy, do đó suốt ngày tri mà chưa từng tri là vậy. Cái dụng của Bát Nhã chân thật mà bản thể trống rỗng, bản thể trống rỗng mà sự dụng vẫn chẳng phải không, sự dụng vốn thường còn mà không thể luận bàn nghĩ ngợi, ấy là diệu trí của bậc thánh vậy. Nên Bát Nhã có thể trống rỗng mà chiếu soi, chân đế có thể tịch diệt mà hiểu biết, vạn vật có thể náo động mà ngay đó thường tịch, sự ứng cơ của bậc thánh có thể trống rỗng mà vẫn làm thành, vậy thì chẳng biết mà tự biết, chẳng làm mà tự làm.

(Trích từ *Triệu Luận*,
do HT. Thích Duy Lực dịch)

Giải nghĩa

Bát-nhã là trí vô lậu (hay tâm vô lậu). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên định - tuệ đồng thời. Tâm thường rỗng lặng gọi là định (thể), ở trong tâm ấy lại có trí tuệ (dụng) nhận biết được tâm thường rỗng lặng cũng như tất cả pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, tím vàng,… gọi là tuệ.

*

33 BÀI KỆ TRUYỀN PHÁP CỦA CÁC BẬC TỔ SƯ ẤN - HOA GIẢI NGHĨA

1. Tổ Ma-Ha-Ca-Diếp *(Mahakasyapa)*

Đức Thế Tôn truyền lại cho tổ Ma-Ha Ca-Diếp:

Hán văn:

Pháp bổn pháp vô pháp

Vô pháp pháp diệc pháp

Kim phó vô pháp thời

Pháp pháp hà tằng pháp.

Việt dịch:

Pháp gốc pháp không pháp

Pháp không pháp cũng pháp

Nay khi trao không pháp

Mỗi pháp đâu từng pháp.

Giải nghĩa:

"Không pháp" ở đây là chỉ cho tâm vô lậu. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên mới chân thật. Cho nên, Đức Phật đã trao cho ngài Ca Diếp pháp chân thật này (trí vô lậu), các pháp còn lại không phải là pháp chân thật.

2. Tổ A-Nan *(Ananda)*

Ngài sinh sau Đức Phật 30 năm.

Bài kệ này tổ Ma-Ha-Ca-Diếp truyền lại cho tổ A-Nan:

Hán văn:

Pháp pháp bổn lai pháp,

Vô pháp vô phi pháp.

Hà ư nhất pháp trung,

Hữu pháp hữu phi pháp.

Việt dịch:

Các pháp, pháp xưa nay,

Không pháp, không phi pháp.

Tại sao trong một pháp,

Có pháp, có phi pháp?

Giải nghĩa:

Trí gồm có trí hữu lậu và trí vô lậu. Trong đó, trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác, vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm pháp hay phi pháp. Trí vô lậu là trí tối thượng bậc nhất.

3. Tổ Thương-Na-Hòa-Tu *(Sanakavasa)*

Tổ sống vào thế kỷ thứ nhất sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ A-Nan truyền lại cho tổ Thương Na-Hòa-Tu:

Hán văn:

Bổn lai truyền hữu pháp,

Truyền liễu ngôn vô pháp.

Các các tu tự ngộ,

Ngộ liễu vô vô pháp.

Việt dịch:

Xưa nay truyền có pháp,

Truyền rồi nói không pháp.

Mỗi mỗi cần tự ngộ,

Ngộ rồi không không pháp.

Giải nghĩa:

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên trao truyền mà không có một pháp gì để trao truyền. Tuy mỗi người vốn sẵn có tâm vô lậu nhưng cần phải được bậc thiện tri thức chỉ dạy. Khi lãnh hội được tâm vô lậu thì hành giả mới biết tâm này vốn sẵn có.

4. Tổ Ưu-Ba-Cúc-Đa *(Upagupta)*

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ nhất sau khi Phật Niết-bàn.

Tổ Thương-Na-Hòa-Tu truyền lại cho tổ Ưu-Ba-Cúc Đa:

Hán văn:

Phi pháp diệc phi tâm,

Vô tâm diệc vô pháp.

Thuyết thị tâm pháp thời,

Thị pháp phi tâm pháp.

Việt dịch:

Phi pháp cũng phi tâm,

Không tâm cũng không pháp.

Khi nói tâm pháp ấy,

Pháp ấy phi tâm pháp.

Giải nghĩa:

Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm chân tâm hay không phải chân tâm.

5. Tổ Đề-Đa-Ca *(Dhrtaka)*

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ hai sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn. Tổ Ưu-Ba-Cúc-Đa truyền lại cho tổ Đề-Đa-Ca:

Hán văn:

Tâm tự bổn lai tâm,

Bổn tâm phi hữu pháp.

Hữu pháp hữu bổn tâm,

Phi tâm phi bổn pháp.

Việt dịch:

Tâm tự xưa nay tâm,

Bổn tâm chẳng có pháp.

Có pháp có bổn tâm,

Chẳng tâm chẳng bổn pháp.

Giải nghĩa:

Tâm bao gồm tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Bởi vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm tâm vô lậu hay không phải tâm vô lậu.

6. Tổ Di-Dá-Ca *(Miccaka)*

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ ba sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Đề-Đa-Ca truyền lại cho tổ Di-Dá-Ca:

Hán văn:

Thông đạt bổn tâm pháp,

Vô pháp vô vi pháp.

Ngộ liễu đồng vị ngộ,

Vô tâm diệc vô pháp.

Việt dịch:

Thông đạt pháp bổn tâm,

Không pháp không phi pháp.

Ngộ rồi đồng chưa ngộ,

Không tâm cũng không pháp.

Giải nghĩa:

Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm chân tâm hay không phải chân tâm. Các bậc thánh nhân ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai đều do đạt được chân tâm tu tập nên thành tựu tứ thánh quả.

7. Tổ Bà-Tu-Mật *(Vasumitra)*

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ ba sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Di-Dá-Ca truyền lại cho tổ Bà-Tu-Mật:

Hán văn:

Vô tâm vô khả đắc,

Thuyết đắc bất danh pháp.

Nhược liễu tâm phi tâm,

Thủy giải tâm tâm pháp.

Việt dịch:

Không tâm không thể được,

Nói được chẳng gọi pháp.

Nếu rõ tâm phi tâm,

Mới hiểu tâm tâm pháp.

Giải nghĩa:

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt, không sinh khởi khái niệm dơ sạch, thêm bớt, có không. Khi hành giả lãnh hội được tâm vô lậu tu tập thì mới nhận biết được như thật tâm vương và tâm sở (năm thủ uẩn) là tâm duyên sinh nên vô thường, khổ và phi ngã.

8. Tổ Phật-Đà-Nan-Đề *(Buddhanandi)*

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ tư sau Phật Niết-bàn.

Tổ Bà-Tu-Mật truyền lại cho tổ Phật-Đà-Nan-Đề:

Hán văn:

Tâm đồng hư không giới,

Thị đẳng hư không pháp.

Chứng đắc hư không thời,

Vô thị vô phi pháp.

Việt dịch:

Tâm đồng hạn hư không,

Chỉ pháp bằng thái hư.

Khi chứng được hư không,

Không pháp, không phi pháp.

Giải nghĩa:

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm tâm vô lậu hay không phải tâm vô lậu. Khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu được bậc thánh Tu-đà-hoàn,

gọi là Thất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm làm giảm hay mỏng tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn, gọi là Nhất lai. Bậc thánh A-na-hàm đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới), gọi là Bất lai. Bậc thánh A-la-hán đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn (hay tâm vô lậu).

9. Tổ Phục-Đà-Mật-Đa *(Buddhamitra)*

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ tư sau Phật Niết-bàn.

Tổ Phật-Đà-Nan-Đề truyền lại cho tổ Phục-Đà-Mật-Đa:

Hán văn:

Chân lý bổn vô danh,

Nhân danh hiển chân lý,

Thọ đắc chân thật pháp,

Phi chân diệc phi ngụy.

Việt dịch:

Chân lý vốn không tên,

Nhân tên bày chân lý,

Nhận được pháp chân thật,

Chẳng chân cũng chẳng ngụy.

Giải nghĩa:

Ngôn ngữ, văn tự không phải là sự thật của khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế, nhưng chúng ta cần phải y vào ngôn ngữ, văn tự để hiểu rõ về bốn sự thật này. Trong đó, diệt đế và đạo đế vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm là chân hay ngụy.

10. Tổ Hiếp-Tôn-Giả *(Parsvika)*

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ năm sau Đức Phật nhập Niết bàn.

Tổ Phục-Đà-Mật-Đa truyền lại cho tổ Hiếp-Tôn-Giả:

Hán văn:

Chân thể tự nhiên chân,

Nhân chân thuyết hữu lý,

Lãnh đắc chân chân pháp,

Vô hành diệc vô chỉ.

Việt dịch:

Chân thể đã sẵn chân,

Bởi chân nói có lý,

Hội được pháp chân chân,

Không đi cũng không dừng.

Giải nghĩa:

Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt, không sinh khởi khái niệm đi hay dừng.

11. Tổ Phú-Na-Dạ-Xa *(Punyayasas)*

Tổ sống giữa thế kỷ thứ năm sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Hiếp-Tôn-Giả truyền lại cho tổ Phú-Na-Dạ-Xa:

Hán văn:

Mê ngộ như ẩn hiển,

Minh ám bất tương ly,

Kim phó ẩn hiển pháp,

Phi nhất diệc phi nhị.

Việt dịch:

Mê ngộ như ẩn hiện,

Tối sáng chẳng rời nhau,

Nay trao pháp ẩn hiện,

Chẳng một cũng chẳng hai.

Giải nghĩa:

Chúng ta vốn có vọng tâm và chân tâm. Vọng tâm là tâm duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã (tâm mê). Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Khi chúng ta sống với vọng tâm (tâm mê) thì chân tâm ẩn. Còn nếu ở nơi vọng tâm (tâm mê) mà lãnh hội được chân tâm thì chân tâm hiện (tâm ngộ). Vọng tâm và chân tâm không rời nhau nhưng không phải một cũng không phải khác. Vọng tâm và chân tâm không phải một là vì vọng tâm là tâm sinh diệt; còn chân tâm là tâm không sinh không diệt. Sở dĩ, vọng tâm và chân tâm không phải khác là vì không thể rời vọng tâm để lãnh hội được chân tâm. Cho nên, tâm nhận biết như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) vọng tâm (tâm mê) thì tâm này chính là chân tâm (tâm ngộ).

12. Tổ Bồ-Tát Mã-Minh *(Asvaghosha)*

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ năm sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Phú-Na-Dạ-Xa truyền lại cho tổ Bồ-tát Mã-Minh:

Hán văn:

Ẩn hiển tức bổn pháp,

Minh ám nguyên bất nhị,

Kim phó ngộ liễu pháp,

Phi thủ diệc phi khí.

Việt dịch:

Ẩn hiện vốn pháp này,

Sáng tối nguyên không hai,

Nay truyền pháp liễu ngộ,

Không lấy cũng chẳng bỏ.

Giải nghĩa:

Chúng ta vốn có trí hữu lậu và trí vô lậu. Trí hữu lậu và trí vô lậu không rời khỏi nhau nhưng cũng không phải một cũng không phải khác. Trí hữu lậu và trí vô lậu không phải một là vì trí hữu lậu là trí sinh diệt; còn trí vô lậu là trí không sinh

không diệt. Trí hữu lậu và trí vô lậu không phải khác là vì không thể rời trí hữu lậu để lãnh hội được trí vô lậu. Chính trí nhận biết được như thật (không sinh khởi khái niệm) trí hữu lậu (phân biệt) thì trí này chính là trí vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm nắm bắt hay buông bỏ.

13. Tổ Ca-Tỳ-Ma-La *(Kapimala)*

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ sáu sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Bồ-tát Mã-Minh truyền lại cho tổ Ca-Tỳ-Ma-La:

Hán văn:

Phi ẩn phi hiển pháp,

Thuyết thị chân thật tế,

Ngộ thử ẩn hiển pháp,

Phi ngu diệc phi trí.

Việt dịch:

Pháp không ẩn không hiển,

Nói là mé chân thật,

Ngộ pháp ẩn hiển nầy,

Chẳng ngu cũng chẳng trí.

Giải nghĩa:

Bởi vì chúng ta sống với tâm hữu lậu nên tâm vô lậu ẩn. Còn nếu chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì tâm vô lậu hiện. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm ngu hay trí.

14. Tổ Bồ-Tát Long-Thọ *(Nagarjuna)*

Tổ sống vào giữa thế kỷ thứ sáu sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Ca-Tỳ-Ma-La truyền lại cho tổ Bồ-tát Long-Thọ:

Hán văn:

Vị minh ẩn hiển pháp,

Phương thuyết giải thoát lý,

Ư pháp tâm bất chứng,

Vô sân diệc vô hỷ.

Việt dịch:

Vì sáng pháp ẩn hiển,

Mới nói lý giải thoát,

Nơi pháp tâm chẳng chứng,

Không sân cũng không hỷ.

Giải nghĩa:

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không có một pháp gì để chứng đắc nhưng không phải là không có chứng đắc tâm này. Chính tâm này là không tham, không sân, không si, không mừng cũng không lo thuộc hữu lậu, mà vui với niềm vui của hỷ thọ và lạc thọ vô lậu.

15. Tổ Bồ-Tát Ca-Na-Đề-Bà *(Kanadeva)*

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ sáu sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Bồ-tát Long-Thọ truyền lại cho tổ Bồ-tát Ca-Na-Đề-Bà:

Hán văn:

Bổn đối truyền pháp nhân,

Vị thuyết giải thoát lý,

Ư pháp thật vô chứng,

Vô chung diệc vô thủy.

Việt dịch:

Xưa đối người truyền pháp,

Vì nói lý giải thoát,

Nơi pháp thật không chứng,

Không chung cũng không thủy.

Giải nghĩa:

Các bậc tổ sư đã truyền trao cho nhau tâm vô lậu. Tâm này là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không có chứng đắc, không có điểm khởi đầu và điểm kết thúc.

16. Tổ La-Hầu-La-Đa *(Rahulata)*

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ bảy sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Bồ-tát Ca-Na-Đề-Bà truyền lại cho tổ La-Hầu-La-Đa:

Hán văn:

Ư pháp thật vô chứng,
Bất thủ diệc bất ly,
Pháp phi hữu vô tướng,
Nội ngoại vân hà khởi.

Việt dịch:

Nơi pháp thật không chứng,
Chẳng giữ cũng chẳng lìa,

Pháp chẳng tướng có không,

Trong ngoài do đâu khởi.

Giải nghĩa:

Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không có ý niệm chứng, không có ý niệm nắm bắt hay buông bỏ, chẳng phải tướng có hay tướng không.

17. Tổ Tăng-Già-Nan-Đề *(Sanghanandi)*

Tổ sống vào giữa thế kỷ thứ bảy sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ La-Hầu-La-Đa truyền lại cho tổ Tăng-Già-Nan-Đề:

Hán văn:

Tâm địa bổn vô sanh,

Nhân địa tùng duyên khởi,

Duyên chủng bất tương phòng,

Hoa quả diệc phục nhi.

Việt dịch:

Đất tâm vốn không sanh,

Nhân đất từ duyên khởi,

Duyên giống chẳng ngại nhau,

Hoa trái cũng như thế.

Giải nghĩa:

Các bậc thánh nhân đã sống trong tâm vô lậu để giáo hóa chúng sinh, nhưng các Ngài vẫn an trụ trong tâm ấy nên không hề bị chướng ngại.

18. Tổ Già-Da-Xá-Đa *(Gayasata)*

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ bảy sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Tăng-Già-Nan-Đề truyền lại cho tổ Già-Da-Xá-Đa:

Hán văn:

Hữu chủng hữu tâm địa,

Nhân duyên năng phát manh,

Ư duyên bất tương ngạ,

Đương sanh sanh bất sanh.

Việt dịch:

Có giống có đất tâm,

Nhân duyên hay nẩy mầm,

Đối duyên chẳng ngại nhau,

Chính sanh, sanh chẳng sanh.

Giải nghĩa:

Chúng ta vốn sẵn có vọng tâm và chân tâm. Để lãnh hội được chân tâm thì chúng ta cần phải tìm cầu bậc thiện tri thức chỉ dạy. Vì chân tâm là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Vì tâm này không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần nên tất cả chỗ đều không tâm. Vì tất cả chỗ đều không tâm nên ba nghiệp đều vô tác. Vì chân tâm là vô tác nên dẫn sinh khẩu vô tác (nói mà không có khái niệm để nói) và thân

vô tác (làm tất cả việc lành mà không có khái niệm để làm).

19. Tổ Cưu-Ma-La-Đa *(Kumarata)*

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ tám sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Già-Da-Xá-Đa truyền lại cho tổ Cưu-Ma-La-Đa:

Hán văn:

Tánh thượng bổn vô sanh,

Vị đối cầu nhân thuyết,

Ư pháp ký vô đắc,

Hà hoài quyết bất quyết.

Việt dịch:

Trên tánh vốn không sanh,

Vì đối người cầu nói,

Nơi pháp đã không được,

Đâu cần giải chẳng giải.

Giải nghĩa:

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt, không có chứng, không sinh khởi khái niệm hiểu hay không hiểu. Vì vậy, các bậc thánh nhân đã sống trong tâm vô lậu để giáo hóa chúng sinh nhưng vẫn an trụ trong tâm đó nên không có sự chướng ngại và sợ hãi.

20. Tổ Xà-Dạ-Đa *(Jayata)*

Tổ sống vào giữa thế kỷ thứ tám sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Cưu-Ma-La-Đa truyền lại cho tổ Xà-Dạ-Đa:

Hán văn:

Ngôn hạ hiệp vô sanh,
Đồng ư pháp giới tánh,
Nhược năng như thị giải,
Thông đạt sự lý cánh.

Việt dịch:

Nói ra hợp vô sanh,
Đồng cùng tánh pháp giới,
Nếu hay hiểu như thế,
Suốt thông sự lý tột.

Giải nghĩa:

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên rộng lớn như pháp giới. Các bậc thánh nhân đã sống trong tâm này nên ba nghiệp đều vô tác. Bởi vì các Ngài an trú trong định vô lậu và tuệ vô lậu nên dẫn sinh ra giới vô lậu.

21. Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu *(Vasubandhu)*

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ tám sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Xà-Dạ-Đa truyền lại cho tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu:

Hán văn:

Bào huyễn đồng vô ngại,
Vân hà bất ngộ liễu,

Đạt pháp tại kỳ trung,

Phi kim diệc phi cổ.

Việt dịch:

Bọt huyễn đồng không ngại,

Tại sao chẳng liễu ngộ,

Đạt pháp ngay trong ấy,

Chẳng xưa cũng chẳng nay.

Giải nghĩa:

Chúng ta vốn sẵn có vọng tâm và chân tâm nên phải ở nơi vọng tâm để lãnh hội chân tâm. Vì thế, tâm nhận biết như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) vọng tâm thì tâm này chính là chân tâm. Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm xưa hay nay.

22. Tổ Ma-Noa-La *(Manorhita)*

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ chín sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu truyền lại cho tổ Ma-Noa-La:

Hán văn:

Tâm tùy vạn cảnh chuyển,

Chuyển xứ thật năng u,

Tùy lưu nhận đắc tánh,

Vô hỷ diệc vô ưu.

Việt dịch:

Tâm theo muôn cảnh chuyển,

Chỗ chuyển thật kín sâu,

Theo dòng nhận được tánh,

Không mừng cũng không lo.

Giải nghĩa:

Năm thủ uẩn chính là khổ đế - tập đế. Cho nên, chúng ta phải ở nơi khổ đế - tập đế (dòng sinh diệt) để lãnh hội đạo đế vô lậu. Chính tâm nhận biết được như thật (trong cái biết chỉ là cái biết) năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) thì tâm này chính là chánh kiến vô lậu. Chánh kiến vô lậu là chánh

kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm mừng hay lo.

23. Tổ Hạc-Lặc-Na *(Haklena)*

Tổ sống vào giữa thế kỷ thứ chín sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Ma-Noa-La truyền lại cho tổ Hạc-Lặc-Na:

Hán văn:

Nhận đắc tâm tánh thời,

Khả thuyết bất tư nghì,

Liễu liễu vô khả đắc,

Đắc thời bất thuyết tri.

Việt dịch:

Khi nhận được tâm tánh,

Mới nói chẳng nghĩ bàn,

Rõ ràng không chỗ được,

Khi được không nói biết.

Giải nghĩa:

Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên không thể nghĩ bàn, không có chỗ chứng nhưng không phải là không chứng, không có chỗ biết nhưng không phải là không biết.

24. Tổ Sư-Tử *(Aryasimha)*

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ chín sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Hạc-Lặc-Na truyền lại cho tổ Sư-Tử:

Hán văn:

Chánh thuyết tri kiến thời,

Tri kiến câu thị tâm,

Đương tâm tức tri kiến,

Tri kiến tức vu kim.

Việt dịch:

Chính khi nói tri kiến,

Tri kiến đều là tâm,

Chính tâm tức tri kiến,

Tri kiến tức hiện nay.

Giải nghĩa:

Trí vô lậu chính là tâm vô lậu. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không có năng thủ và sở thủ mà chỉ có trí nhận biết rõ như thật tất cả pháp.

25. Tổ Bà-Xá-Tư-Đa *(Basiasita)*

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ mười sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Sư-Tử truyền lại cho tổ Bà-Xá-Tư-Đa:

Hán văn:

Thánh nhân thuyết tri kiến

Đương cảnh vô thị phi,

Ngã kim ngộ kỳ tánh,

Vô đạo diệc vô lý.

Việt dịch:

Thánh nhân nói tri kiến,

Ngay cảnh không phải quấy,

Nay ta ngộ tánh ấy,

Không đạo cũng không lý.

Giải nghĩa:

Khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc với sáu trần mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, trong cái nhận biết chỉ là cái nhận biết (ngay cảnh không phải quấy). Đây chính là chánh kiến vô lậu. Chánh kiến vô lậu là chánh kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm đạo hay không phải đạo. Các bậc thánh nhân ở trong thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai đều do lãnh hội được chánh kiến vô lậu tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

26. Tổ Bất-Như-Mật-Đa *(Punyamitra)*

Tổ sống vào giữa thế kỷ thứ mười sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Bà-Xá-Tư-Đa truyền lại cho tổ Bất-Như-Mật-Đa:

Hán văn:

Chân tánh tâm địa tàng,

Vô đầu diệc vô đuôi,

Ứng duyên nhi hóa vật,

Phương tiện hô vi trí.

Việt dịch:

Kho tâm địa chân tánh,

Không đầu cũng không đuôi,

Hợp duyên tùy hóa vật,

Phương tiện gọi là trí.

Giải nghĩa:

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không có điểm khởi đầu và cũng không có điểm kết thúc. Các bậc thánh nhân đã sống trong tâm vô lậu này để giáo hóa chúng sinh.

27. Tổ Bát-Nhã-Đa-La *(Prajnatara)*

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ mười sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Bất-Như-Mật-Đa truyền lại cho tổ Bát-Nhã-Đa-La:

Hán văn:

Tâm địa sanh chư chủng,
Nhân sự phục sanh lý,
Quả mãn bồ-đề viên,
Hoa khai thế giới khởi.

Việt dịch:

Đất tâm sanh các giống,

Nhân sự lại sanh lý,

Quả đầy bồ-đề tròn,

Hoa nở thế giới sanh.

Giải nghĩa:

Chúng ta vốn sẵn có vọng tâm và chân tâm nên phải ở nơi vọng tâm để nhận lại chân tâm. Chính tâm nhận biết được như thật vọng tâm thì tâm này là chân tâm. Từ đó, hành giả sống trong chân tâm tu tập để đoạn trừ vọng tâm nên thành tựu tứ thánh quả. Sau khi xả bỏ báo thân, các Ngài sẽ sinh vào thế giới đầy hạnh phúc. Nếu các Ngài nguyện sinh vào quốc độ nào thì cũng sẽ đem lại hạnh phúc cho tất cả chúng sinh ở nơi các quốc độ ấy.

28. Bồ-Đề-Đạt-Ma *(Bodhidharma)*

Là Tổ thứ nhất của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ mười một sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Bát-Nhã-Đa-La truyền lại cho tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma:

Hán văn:

Ngô bổn lai tư độ,

Truyền pháp cứu mê tình,

Nhất hoa khai ngũ diệp,

Kết quả tự nhiên thành.

Việt dịch:

Ta sang đến cõi này,

Truyền pháp cứu mê tình,

Một hoa nở năm cánh,

Nụ trái tự nhiên thành.

Giải nghĩa:

Là Tổ thứ 28, Ngài từ Ấn Độ qua Trung Hoa truyền pháp vô lậu để cứu giúp cho chúng sinh chấm dứt khổ đau. Sự truyền thừa y bát này được kéo dài cho đến thời ngài Lục Tổ Huệ Năng và sau đó chia thành năm tông phái: Tông Lâm Tế, Tông Quy Ngưỡng, Tông Tào Động, Tông Vân Môn và Tông Pháp Nhãn.

29. Huệ-Khả (494 – 601)

Là Tổ thứ hai của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma truyền lại cho tổ Huệ Khả:

Hán văn:

Bổn lai duyên hữu địa,

Nhân địa chúng hoa sanh,

Bổn lai vô hữu chủng,

Hoa diệc bất tằng sanh.

Việt dịch:

Xưa nay nhân có đất,

Bởi đất giống hoa sanh,

Xưa nay không có giống,

Hoa cũng chẳng từng sanh.

Giải nghĩa:

Tuy chúng ta vốn có tâm vô lậu nhưng không thể tự lãnh hội được tâm ấy. Để lãnh hội được tâm này, chúng ta phải tìm cầu bậc thiện tri thức để

được chỉ dạy. Gặp được bậc thiện tri thức, chúng ta phải hết lòng lắng nghe, tư duy và tu tập. Nhờ đó, chúng ta mới lãnh hội được tâm vô lậu. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt.

30. Tăng Xán (497 – 602)

Là Tổ thứ ba của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ Huệ Khả truyền lại cho tổ Tăng Xán:

Hán văn:

Hoa chủng tuy nhân địa,

Tùng địa chủng hoa sanh,

Nhược vô nhân hạ chủng,

Hoa địa tận vô sanh.

Việt dịch:

Giống hoa tuy nhân đất,

Từ đất giống hoa sanh,

Nếu không người gieo giống,

Hoa, đất trọn không sanh.

Giải nghĩa:

Chúng ta vốn có vọng tâm và chân tâm. Bởi vì chúng ta đã sống với vọng tâm nên không thể tự biết mình vốn có chân tâm. Vọng tâm là khổ đế - tập đế. Còn chân tâm là diệt đế và đạo đế vô lậu. Để hiểu được bốn chân lý này, chúng ta phải nhờ sự chỉ dạy của những bậc thiện tri thức nên mới khởi tâm tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô

lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

31. Đạo Tín (580 – 651)

Là Tổ thứ tư của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ Tăng Xán truyền lại cho tổ Đạo Tín:

Hán văn:

Hoa chủng hữu sanh tánh,

Nhân địa hoa sanh sanh,

Đại duyên dữ tín hiệp,

Đương sanh sanh bất sanh.

Việt dịch:

Giống hoa có tánh sống,

Nhân đất hoa nảy mầm,

Duyên lớn cùng tín hợp,

Chính sanh, sanh chẳng sanh.

Giải nghĩa:

Tuy chúng ta vốn có trí vô lậu nhưng không thể tự mình lãnh hội được trí này. Để lãnh hội được trí này, chúng ta cần phải tìm cầu bậc thiện tri thức chỉ dạy. Gặp được bậc thiện tri thức, chúng ta phải hết lòng cung kính, lắng nghe, tư duy và tu tập. Nhờ vậy, chúng ta mới lãnh hội được trí vô lậu ở nơi chính mình. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt.

32. Hoằng Nhẫn (602 - 675)

Là Tổ thứ năm của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ Đạo Tín truyền lại cho tổ Hoằng Nhẫn:

Hán văn:

Hữu tình lai hạ chủng,

Nhân địa quả hoàn sanh,

Vô tình ký vô chủng,

Vô tánh diệc vô sanh.

Việt dịch:

Hữu tình đến gieo giống,

Nhân đất quả lại sanh,

Vô tình đã không giống,

Không tánh cũng không sanh.

Giải nghĩa:

Để lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì chúng ta cần phải tìm cầu bậc thiện tri thức chỉ dạy. Gặp được bậc thiện tri thức, chúng ta phải hết lòng cung kính, lắng nghe, tư duy và tu tập. Nhờ đó, chúng ta mới có thể lãnh hội được chánh kiến vô lậu ở nơi chính mình. Chánh kiến vô lậu là chánh kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt. Chính vì thế, các bậc thánh nhân ở trong thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai đều do lãnh hội chánh kiến vô lậu tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật.

33. Huệ Năng (638 – 713)

Là Tổ thứ sáu của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ Hoằng Nhẫn truyền lại cho tổ Huệ Năng:

Hán văn:

Tâm địa hàm chư chủng,

Phổ vũ tất giai manh.

Đốn ngộ hoa tình dĩ,

Bồ-đề quả tự thành.

Việt dịch:

Đất tâm chứa các giống,

Mưa khắp ắt nẩy mầm.

Hoa tình vừa đốn ngộ,

Trái Bồ-đề tự thành.

Giải nghĩa:

Chúng ta đều có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Chính vì sẵn có hai loại tâm này cho nên Đức Phật và các bậc hiền thánh đã dùng mọi phương tiện

ngôn ngữ, văn tự để giúp cho chúng ta nhận lại được tâm vô lậu. Khi chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu để tu tập thì mới đạt được tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

PHẨM PHÁP MÔN BẤT NHỊ TRONG KINH DUY-MA-CẬT GIẢI NGHĨA

Bấy giờ, Duy-Ma-Cật nói với các Bồ tát hiện diện: "Thưa các nhân giả, thế nào là Bồ tát vào Pháp môn bất nhị?

Mong các vị hãy tùy chỗ sở thích của mình mà trình bày."

Giải nghĩa

Khi nghiên cứu phẩm *Pháp môn bất nhị* thì người viết chỉ y cứ vào ý nghĩa của đạo thánh đế. Tuy đạo thánh đế gồm có 37 pháp nhưng trong đó bát chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì nó thâu tóm tất cả các đạo đế còn lại như

tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi. Lại nữa, bát chánh đạo gồm có bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu. Trong đó, hành giả tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn các bậc thánh giả tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Hai loại chánh kiến đó, chánh kiến hữu lậu mới sinh khởi khái niệm nên thuộc tâm nhị nguyên. Còn chánh kiến vô lậu sẽ không sinh khởi khái niệm nên thuộc tâm bất nhị. Cho nên, các bậc thánh nhân ở trong thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai đều do lãnh hội chánh kiến vô lậu tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật.

Chánh văn

Trong hội có Bồ tát Pháp Tự Tại[1] nói: "Thưa chư nhân giả, sanh và diệt là hai. Pháp trước vốn không sanh, nay tất không diệt. Lãnh hội pháp nhẫn vô sanh này là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu (tạp niệm) là tâm duyên sinh nên vô thường, sinh diệt tức nhị nguyên. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác (không sinh không diệt), tức bất nhị. Cho nên, tâm nhận biết như thật (trong cái biết chỉ là cái biết) tâm hữu lậu thì tâm này chính là tâm vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Đức Thủ[2] nói: "Ngã và ngã sở là hai. Nhân bởi có ngã nên có ngã sở. Nếu không có ngã thì không có ngã sở. Đó là vào Pháp môn bất nhị."

---

[1] Pháp Tự Tại 法自在.

[2] Đức Thủ 德守. VCX. Thắng Mật 勝密. Skt. Śrīgupta . Chi Khiêm: Thủ Bế 首閉.

Giải nghĩa

Theo quan điểm của các ngoại đạo có một thực ngã đồng nhất với năm thủ uẩn, hoặc ngã dị biệt với năm thủ uẩn, hoặc ngã ở trong năm thủ uẩn, hoặc năm thủ uẩn ở trong ngã. Có chủ trương cho rằng ngã là một chủ tể thường hằng, châu biến, lượng đồng như hư không, tùy theo môi trường mà nó tạo nghiệp, hay thọ nhận khổ, lạc. Hoặc có quan điểm chủ trương tự thể của ngã là thường hằng nhưng lượng của nó thì bất định; bởi vì nó trải rộng hay thu nhỏ tùy theo lượng của thân. Hoặc có quan điểm chủ trương cho rằng tự thể của ngã là thường hằng, và cực kỳ vi tế như một cực vi, tiềm tàng chuyển vận trong thân để tạo tác sự nghiệp (Trích *Luận Thành Duy Thức*, trang *71*, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú). Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Mao Đoan*, số *111*, Ngài Xá-lợi-phất dạy: *"Nếu người kia thấy thọ là ngã; khi thấy thọ là ngã rồi thì thấy sắc là ngã sở; hoặc thấy tưởng, hành, thức tức là ngã thì thấy sắc là ngã sở"*.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Phú-lưu-na*, số *38*, Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo: *"Đối với pháp đã*

sanh khởi mà chấp là ngã, chứ không phải pháp không sanh khởi. Thế nào là đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ta, chứ không phải pháp không sanh khởi? Sắc sanh khởi, sanh khởi là ta chứ không phải không sanh. Thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, sanh khởi là ta, chứ không phải không sanh".

Theo *Luận Thành Duy Thức*, trong tám thức thì chỉ có hai thức chấp ngã đó là thức thứ sáu và thức thứ bảy. Sự chấp ngã này có hai loại: phân biệt ngã chấp và câu sinh ngã chấp. Bậc thánh Tu-đà-hoàn mới đoạn trừ được phân biệt ngã chấp. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tu tập hướng đến bậc thánh Tư-đà-hàm. Bậc thánh Tư-đà-hàm tu tập hướng đến bậc thánh A-na-hàm. Bậc thánh A-na-hàm tu tập hướng đến bậc thánh A-la-hán. Những bậc thánh này mới đoạn trừ được phần nào chứ chưa đoạn trừ được hoàn toàn câu sinh ngã chấp. Chỉ có những bậc thánh A-la-hán mới đoạn trừ hoàn toàn loại ngã chấp câu sinh của hai thức này. Bậc thánh A-la-hán đoạn trừ ngã chấp câu sinh nhưng chưa đoạn trừ được hoàn toàn pháp chấp câu sinh. Chỉ có Đức Thế Tôn mới đoạn trừ hoàn toàn hai loại ngã chấp này (ngã chấp và pháp chấp).

Y cứ vào những ý nghĩa được nêu trên thì chúng ta biết rằng vô ngã có hai ý nghĩa: Một, năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Hai, tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác, tức vô ngã.

Tâm gồm tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên mới sinh khởi khái niệm ngã và ngã sở, tức nhị nguyên. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm ngã và ngã sở, tức bất nhị. Vì thế, tâm nhận biết như thật (trong cái biết chỉ là cái biết) tâm hữu lậu thì tâm này là tâm vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Bất Huyến[1] nói: "Thọ và bất thọ[2] là hai. Nếu không thọ các pháp thì không khả đắc[3].

---

[1] Bất Huyến 不眴. VCX. Vô Thuấn 無瞬.

[2] Thọ bất thọ 受不受. VCX. hữu thủ vô thủ 有取無取. La thập: "Thọ và bất thọ, tức chấp thủ tướng và không chấp thủ tướng."

[3] VCX: "Không chấp thủ thì không có gì là sở đắc. Không sở đắc nên không tăng không giảm."

Vì không khả đắc cho nên không thủ, không xả, không tác, không hành. Đó là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Chánh kiến gồm chánh kiến hữu lậu và chánh kiến vô lậu. Trong đó, chánh kiến hữu lậu là chánh kiến duyên sinh nên mới trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần, tức nhị nguyên. Còn chánh kiến vô lậu là chánh kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần, tức bất nhị. Cho nên, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy: *"Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết"*. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Đức Đỉnh[1] nói: "Cấu bẩn và thanh tịnh là hai. Thấy được tánh của cáu bẩn thì không còn tướng tịnh, thuận theo tướng tịch diệt. Đó là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu mới sinh khởi khái niệm cấu bẩn và thanh tịnh, tức nhị nguyên. Còn tâm vô lậu không sinh khởi khái niệm cấu bẩn và thanh tịnh, tức bất nhị. Vì vậy, tâm nhận biết được như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) tâm hữu lậu (vọng niệm) thì tâm này chính là tâm vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Thiện Tú Bồ tát[2] nói: "Động và niệm[3] là hai. Không động thì không niệm. Không niệm thì

---

[1] Đức Đỉnh 德頂; VCX: Thắng Phong 勝峰. Skt. Śrīkūṭa.

[2] Thiện Túc 善宿; VCX: Diệu Tinh 妙星. Sunakṣatra.

[3] VCX: tán động và tư duy 散動思惟.

không phân biệt. Đạt đến chỗ này là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên vô thường, tán động, tức nhị nguyên. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không động, tức bất nhị. Vì vậy, tâm nhận biết như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) tâm hữu thì tâm này chính là tâm vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Thiện Nhãn[1] *nói: "Nhất tướng với vô tướng là hai. Hiểu được nhất tướng rốt ráo là vô tướng, không chấp vào vô tướng để thành tựu bình đẳng, đó là vào Pháp môn bất nhị.*

[1] Thiện Nhãn 善眼; VCX: Diệu Nhãn 妙眼. Skt. Sunetra.

Giải nghĩa

Pháp hữu vi là pháp duyên sinh như nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và sắc, thanh, hương, vị và xúc. Tâm hữu vi - hữu lậu là tâm duyên sinh (sự tập khởi của năm thủ uẩn) nên sinh khởi khái niệm (tướng của vọng niệm) về các pháp như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Diệu Tý[1] *nói: "Tâm Bồ tát với tâm Thanh-văn là hai. Quán tướng của tâm vốn rỗng không, hư ảo, thì chẳng có tâm nào là tâm Bồ tát hay tâm Thanh-văn. Đó là vào Pháp môn bất nhị."*

Giải nghĩa

Chúng ta vốn sẵn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Tâm hữu lậu mới sinh khởi khái niệm tâm Bồ-tát

[1] Diệu Tý 妙臂. Skt. Subāhu. Chi Khiêm: Thiện Đa 善多.

và tâm Thanh-văn, tức nhị nguyên. Còn tâm vô lậu là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm tâm Bồ-tát và tâm Thanh-văn, tức bất nhị. Do đó, các bậc thánh nhân ở trong thời quá khứ, hiện tại và vị lai đều do lãnh hội tâm vô lậu tu tập nên thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Phất-sa[1] nói: "Thiện và bất thiện là hai. Nếu không khởi thiện hay bất thiện là nhận chân thật tế của vô tướng. Thông suốt như vậy là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Chánh kiến gồm có chánh kiến hữu lậu và chánh kiến vô lậu. Trong đó, chánh kiến hữu lậu mới sanh khởi khái niệm thiện và bất thiện, tức nhị nguyên. Còn chánh kiến vô lậu không sinh

[1] Phất-sa 弗沙; La-thập nói: "Đây là sao Quỷ trong 28 tinh tú. Tức Skt. Puṣya(nakṣatra). VCX: Dục Dưỡng 育養 . Theo đây thì Skt. là Poṣa (nuôi lớn), sự thịnh vượng, phát đạt. Chi Khiêm: Phụng Dưỡng 奉養.

khởi khái niệm thiện và bất thiện, tức bất nhị. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Sư Tử nói: "Tội, phước[1] *là hai. Hiểu được tánh của tội chẳng khác tánh của phước. Lấy trí tuệ kim cang mà quyết rõ tướng này, không ràng buộc, chẳng giải mở; đó là vào Pháp môn bất nhị."*

Giải nghĩa

Bởi vì chúng sinh sống với tâm tà kiến và tà tư duy nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng, gọi là tội. Nếu chúng ta sống với tâm chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu nên dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng, gọi là phước. Còn trí kim cang là chánh kiến và chánh tư duy vô lậu hay tâm vô lậu. Vì thế, tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác, tức bất nhị. Cho nên, tâm nhận biết như thật (trong cái biết chỉ là cái

[1] VCX: "Có tội và không tội."

nhận biết) tâm hữu lậu thì tâm này chính là tâm vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Sư Tử Ý[1] *nói: "Hữu lậu và vô lậu là hai. Nếu chứng các pháp là bình đẳng thì chẳng khởi tưởng hữu lậu hay vô lậu, không vướng vào tướng, không trụ vô tướng; đó là vào Pháp môn bất nhị."*

Giải nghĩa

Trí hữu lậu mới sinh khởi khái niệm hữu lậu và vô lậu, tức nhị nguyên. Còn trí vô lậu không sinh khởi khái niệm hữu lậu và vô lậu, tức bất nhị. Đây là Pháp môn bất nhị.

[1] Sư Tử Ý 師子意; VCX: Sư Tử Tuệ 師子慧. Skt. Siṃhamati. Chi Khiêm: Dũng Ý 勇意.

Chánh văn

Bồ tát Tịnh Giải[1] *nói: "Hữu vi, vô vi là hai. Nhưng nếu lìa các số*[2] *thì tâm như hư không*[3]*, trí tuệ thanh thịnh, chẳng còn chỗ trở ngại; đó là vào Pháp môn bất nhị."*

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên thuộc tâm nhị nguyên. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên thuộc tâm bất nhị. Vì thế, tâm nhận biết như thật (không sinh khởi khái niệm) tâm hữu lậu thì tâm này là tâm vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

---

[1] Tịnh Giải 淨解; VCX: Tịnh Thắng Giải 淨勝解. Śuddhādhimukta.

[2] Ly nhất thiết số 離一切數. VCX: viễn ly các hành 遠離諸行. Trong bản La-thập, Skt. đọc là abhisaṃkhyā, con số, sự tính đếm. Trong bản VCX, Skt. abhisaṃskāra, hành, tác hành. Khuy Cơ (T38n1782_p1092a12): "Viễn ly hết thảy các hành hữu vi."

[3] VCX: giác tuệ như không 覺慧如空. VCS (T38n1782_p1092a11): "Khởi giác tuệ, tức trí quán vô vi như không."

Chánh văn

Bồ tát Na-la-diên[1] nói: "Thế gian và xuất thế gian là hai nhưng tánh của thế gian là không thì cũng là xuất thế gian. Ở trong đó không vào, không ra, không đầy[2], không tan; đó là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Đức Phật dạy: *"Thế nào là thế gian? Đó là sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nội nhập xứ.*

"Thế nào là sự tập khởi thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia.

"Thế nào là sự diệt tận thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia, đã được đoạn trừ không

---

[1] Na-la-diên 那羅延. Skt. Nārāyaṇa, con người nguyên thuỷ, Kim cang lực sĩ. Chi Khiêm: Nhân Thừa 人乘 (Skt. Narayāna).

[2] Bất dật 不溢. La-thập: "Bản Phạn nói là lưu 流 ." VCX: vô lưu 無流. VCS (T38n1782, p1092a16): "Cựu dịch là dật, có nghĩa là lưu dật 流溢 (chảy tràn)."

dư tàn, đã xả bỏ, đã nhả ra, đã dứt sạch, đã ly dục, tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận? Là tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

(*Tạp A-hàm*, kinh *Thế Gian*, số 235)

Đức Phật dạy: *"Nay ta sẽ nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Vậy thế nào là pháp hữu lậu? Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc; thuộc thế tục, nên gọi là pháp hữu lậu.*

"Thế nào là pháp vô lậu? Là vượt ra ngoài thế gian ý, hoặc pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thuộc xuất thế gian, nên gọi là pháp vô lậu."

(*Tạp A-hàm*, kinh *Hữu Lậu Vô Lậu*, số 231)

Y cứ vào ý nghĩa của hai đoạn văn kinh được trích như trên thì chúng ta hiểu rằng thế gian là khổ đế (năm thủ uẩn); nguyên nhân để dẫn sinh sự tập khởi của thế gian là tập đế (vô minh, tham ái, chấp thủ). Hay tâm hữu lậu là tâm thuộc thế gian. Tâm vô lậu là tâm thuộc xuất thế gian. Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã, tức nhị nguyên. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác, tức bất nhị. Vì vậy, tâm nhận biết như thật (không sinh khởi khái niệm) tâm hữu lậu thì tâm này chính là tâm vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Thiện Ý[1] nói: "Sinh tử và Niết bàn là hai. Nếu thấy được tánh của sinh tử thì chẳng còn sinh tử, không trói buộc, không cởi mở, không bùng cháy, không dập tắt[2]. Hiểu được vậy là vào Pháp môn bất nhị."

---

[1] Thiện Ý 善意. VCX: Điều Thuận Tuệ 調順慧. Skt. Suvinitamati.

[2] VCX: "Liễu tri sinh tử tự tính vốn không; không lưu chuyển, cũng không tịch diệt."

Giải nghĩa

Năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) là pháp duyên sinh nên sinh diệt, tức nhị nguyên. Diệt đế và đạo đế vô lậu là pháp phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do pháp này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt, tức bất nhị. Vì thế, tâm nhận biết được như thật năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) thì tâm này chính là chánh kiến vô lậu (đạo đế vô lậu). Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Hiện Kiến[1] nói: "Tận và bất tận là hai. Trong cứu cánh, pháp tận cũng như bất tận đều chính là tướng vô tận[2]. Tướng vô tận tức là không[3]. Không thì không có tướng tận hay bất tận. Vào chỗ đó là vào Pháp môn bất nhị."

---

[1] Hiện kiến 現見. Chi Khiêm: Mục Kiến 目見.

[2] La-thập: "Pháp bị huỷ diệt mà không hoàn toàn diệt tận, nên nói là bất tận." VCX (T38n1782, p1092b02): "Cựu dịch… không còn cái gì để có thể tận cùng hơn nữa, cho nên cái hữu tận chính là cái vô tận."

[3] Nhảy một đoạn trong bản của La-thập. VCX: "Lại nữa, hữu tận, là trong từng sát na, từng sát na, không có cái hữu tận thì đó là vô tận. Không có cái hữu tận, nên cái vô tận cũng không. Thấu hiểu tự tính của hữu tận và vô tận vốn không, đó là nhập bất nhị pháp môn."

Giải nghĩa

Tâm gồm tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là tâm thế gian nên thuộc tâm nhị nguyên. Còn tâm vô lậu là tâm xuất thế gian nên thuộc tâm bất nhị. Vì thế, tâm nhận biết như thật (không sinh khởi khái niệm) tâm hữu lậu thì tâm này chính là tâm vô lậu. Vì vậy, các bậc thánh nhân ở trong thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai đều do lãnh hội tâm vô lậu tu tập nên đoạn trừ hoàn toàn tâm hữu lậu (tận hay hết). Trụ trong tâm ấy, các Ngài sẽ tùy theo nhân duyên của chúng sinh để giáo hóa nhưng vẫn sống trong tâm vô lậu nên gọi là vô tận. Cho nên, tâm vô lậu không có tướng tận và bất tận (khái niệm). Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

15. Bồ tát Phổ Thủ[1] nói: "Ngã và vô ngã là hai. Ngã còn không thể nắm bắt được, phi ngã làm sao

[1] Phổ Thủ 普守. VCX: Phổ Mật 普密. Skt. Samantagupta. Chi Khiêm: Phổ Bế 普閉.

nắm bắt? Nhìn ra thật tánh này của ngã thì không khởi nhị nguyên nữa; đó là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Phú-lưu-na*, số *38*, Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo: "*Đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ngã, chứ không phải pháp không sanh khởi. Thế nào là đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ta, chứ không phải pháp không sanh khởi? Sắc sanh khởi, sanh khởi là ta chứ không phải không sanh. Thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, sanh khởi là ta, chứ không phải không sanh*".

Theo quan điểm của các ngoại đạo có một thực ngã đồng nhất với năm thủ uẩn, hoặc ngã dị biệt với năm thủ uẩn, hoặc ngã ở trong năm thủ uẩn, hoặc năm thủ uẩn ở trong ngã. Có quan điểm cho rằng ngã là một chủ tể thường hằng, châu biến, lượng đồng như hư không, tùy theo môi trường mà nó tạo nghiệp, hay thọ nhận khổ, lạc. Hoặc có quan điểm chủ trương tự thể của ngã là thường hằng nhưng lượng của nó thì bất định; bởi vì nó trải rộng hay thu nhỏ tùy theo lượng của thân.

Hoặc có quan điểm chủ trương cho rằng tự thể của ngã là thường hằng, và cực kỳ vi tế như một cực vi, tiềm tàng chuyển vận trong thân để tạo tác sự nghiệp (Trích *Luận Thành Duy Thức*, trang 71, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú).

Y cứ vào những ý nghĩa được nêu trên thì chúng ta hiểu rằng năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Vì vậy, vô ngã có hai ý nghĩa: Một, năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Hai, tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác, tức vô ngã.

Chúng ta vốn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Tâm hữu lậu mới sinh khởi khái niệm về ngã và phi ngã, tức nhị nguyên. Bởi vì khái niệm về ngã không thể nắm bắt được cho nên khái niệm về vô ngã cũng không thể nắm bắt được. Vì sao? Vì khái niệm về ngã và khái niệm về vô ngã đều là tâm hữu lậu nên duyên sinh, vô thường và phi ngã. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm ngã và vô ngã,

tức bất nhị. Vì thế, tâm nhận biết như thật (trong cái biết chỉ là cái biết) tâm hữu lậu thì tâm này là tâm vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Điện Thiên[1] *nói: "Minh, vô minh là hai. Nhưng thật tánh của vô minh chính là minh. Minh cũng không thể thủ, lìa hết thảy số*[2]*. Ở trong đó mà bình đẳng không hai; đó là vào Pháp môn bất nhị."*

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu là vô minh nên thuộc tâm nhị nguyên. Tâm vô lậu là minh nên thuộc tâm bất nhị. Vì thế, tâm nhận biết được như thật (trong cái biết chỉ là cái biết) vô minh (tạp niệm tham, sân, si) thì tâm này gọi là minh. Đây là Pháp môn bất nhị.

---

[1] Điện Thiên 電天. Chi Khiêm: Minh Thiên 明天.

[2] CX: "Minh và vô minh đều bất khả đắc. Không thể tính toán; siêu việt con đường tính toán."

Chánh văn

Bồ tát Hỷ Kiến [1]nói: "Sắc và Sắc Không là hai. Sắc chính là Không, không phải do sắc diệt mà không, nhưng tính của Sắc tự nó là Không. Thọ, Tưởng, Hành và Thức cũng vậy. Thức và Không là hai. Thức cũng chính là Không, không phải do Thức diệt mà không, vì tánh của Thức chính là Không vậy. Thông đạt chỗ này là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức (năm thủ uẩn) chính là khổ đế - tập đế. Tuy năm thủ uẩn là khổ đế - tập đế nhưng diệt đế và đạo đế cũng không rời năm thủ uẩn. Cho nên, chúng ta phải ở nơi khổ đế - tập đế để tu tập đạo thánh đế. Vì vậy, tâm nhận biết như thật (không sinh khởi khái niệm) năm thủ uẩn thì tâm này chính là chánh kiến vô lậu (đạo đế vô lậu). Đây là Pháp môn bất nhị.

---

[1] Hỷ Kiến 喜見. Chiêm Khiêm: Ái Cẩn 愛覲.

Chánh văn

18. Bồ tát Minh Tướng[1] nói: "Bốn đại chủng và không đại chủng[2] là hai. Tánh của bốn đại chủng chính là không đại chủng. Cũng như tiền tế[3] và hậu tế đều là không, cho nên trung tế cũng là không. Thấu suốt tánh này của bốn đại chủng là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Năm thủ uẩn chính là thân và tâm của mỗi chúng ta. Thân này gồm bốn đại: đất, nước, gió, lửa và tâm thức (thức đại). Thân và tâm này không thể rời không đại (hư không hay không gian) mà tồn tại. Vì thế, chúng ta không thể biết được biên tế tối sơ thời gian để hình thành nên năm thủ uẩn cũng như hậu tế và trung tế, mà chỉ biết được nguyên nhân chính để hình thành năm thủ uẩn.

---

[1] Minh Tướng 明相 . VCX: Quang Tràng 光幢 (Skt. Prabhādvaja). Chi Khiêm: Quang Tạo 光造 (Skt. Prabhākara).

[2] Tứ chủng 四種 . La-thập, đây chỉ tứ đại tức bốn đại chủng (mahābhūtāni). VCX: "Bốn giới (dhātu) và không giới (ākāśa-dhātu) là hai." Xem Câu-xá i.12: đại chủng vị tứ giới 大種謂四界.

[3] Tiền tế 前際 (Skt. pūrva-koṭi), biên tế tối sơ của thời gian.

Đó là vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã. Tuy năm thủ uẩn là khổ đế - tập đế nhưng diệt đế và đạo đế cũng không rời năm thủ uẩn. Cho nên, khi sáu căn của mỗi chúng ta tiếp xúc với sáu trần mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Diệu Ý[1] *nói: "Con mắt, và sắc là hai. Nếu biết tánh của con mắt ở nơi sắc chẳng khởi tham, sân, si, đó là tịch diệt. Cũng vậy, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với cảm xúc, ý với các pháp là hai. Nếu biết thật tánh của ý ở nơi pháp chẳng khởi tham, sân, si, đó là tịch diệt. An trụ trong đây là vào Pháp môn bất nhị."*

[1] Diệu Ý 妙意. VCX: Diệu Huệ 妙慧. Skt. Sumati.

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên mới trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần, tức nhị nguyên. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần, tức bất nhị. Vì thế, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy: "*Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*". Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

20. Bồ tát Vô Tận Ý [1] nói: "Bố thí và hồi hướng đến nhất thiết trí là hai. Nhưng tánh của bố thí chính là sự hồi hướng đến nhất thiết trí. Cũng vậy, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ với hồi hướng nhất thiết trí là hai. Nhưng tánh của trí tuệ là tánh của hồi hướng nhất thiết trí. Ở trong

[1] Vô Tận Ý 無盡意. VCX: Vô Tận Tuệ 無盡慧. Skt. Akṣayamati.

đây mà thâm nhập nhất tướng, là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Khi chúng ta sống trong tâm hữu lậu để tu tập giới, định, tuệ và hồi hướng (mong thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên) thì giới, định, tuệ và hồi hướng tên tuy có khác nhưng cùng một tâm hữu lậu. Cũng vậy, các bậc thánh giả sống trong tâm vô lậu để tu tập giới - định - tuệ và hồi hướng (mong thành tựu quả vị Phật) thì giới - định - tuệ và hồi hướng tên tuy có khác nhưng cùng một tâm vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Thâm Huệ[1] nói: "Đây là không, đây là vô tướng, đây là vô tác, là hai[2]. Nhưng không tức là vô tướng. Vô tướng tức là vô tác. Không, vô tướng,

[1] Thâm Tuệ 深慧. VCX: Thậm Thâm Giác 甚深覺. Chi Khiêm: Thâm Diệu 深妙.

[2] VCX: không, vô tướng, vô nguyện.

vô tác tức không tâm, không ý, cũng không thức[1]*. Ở trong một giải thoát môn cũng chính trong cả ba giải thoát môn. Đó là vào Pháp môn bất nhị.*"

Giải nghĩa

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác, tức bất nhị. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Tịch Căn[2] *nói: "Phật, Pháp, Chúng là hai. Phật tức là Pháp. Pháp tức là Chúng. Tam bảo này tướng vô vi, bình đẳng với hư không, hết thảy các pháp cũng vậy. Thấu suốt Pháp này là vào Pháp môn bất nhị.*"

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu mới sinh khởi khái niệm đây là Phật, là Pháp, là Tăng, tức nhị nguyên. Tâm vô lậu

---

[1] VCX: "(...) trong vô nguyện nay không có tâm, không có ý, không có thức để có thể được vận chuyển."

[2] Tịch Căn 寂根. VCX: Tịch tĩnh căn 寂靜根. Skt. Śāntendiya (Cf. Gaṇḍ., Rāstr., Śikṣ.)

chính là tâm Phật, là pháp vô lậu, là Tăng vì thanh tịnh, tức bất nhị. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Tâm Vô Ngại[1] nói: "Thân với thân diệt[2] là hai. Thân cũng chính là thân diệt. Vì sao? Vì thấu rõ thật tánh của thân thì không còn khởi ý niệm về thân hay thân diệt, vì cả hai rốt ráo là bất nhị, không khác. Ở trong đó mà không kinh, không sợ, là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Thân ở đây là chỉ cho năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế). Thân diệt là Niết bàn. Năm thủ uẩn chính là khổ đế - tập đế nhưng diệt đế và đạo đế cũng không rời năm thủ uẩn. Cho nên, tâm nhận biết được như thật (không sinh khởi khái niệm) năm thủ uẩn thì tâm này là chánh kiến vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

---

[1] Tâm Vô Ngại 心無閡. VCX: Vô Ngại Nhãn 無礙眼. Chi Khiêm: Bất Huỷ Căn 不毀根.

[2] La-thập: "Thân là năm thủ uẩn. Thân diệt là Niết bàn." VCX: tát-ca-da 薩迦耶 và tát-ca-da diệt 薩迦耶滅 . Skt. satkāya, satkāya-nirodha.

Chánh văn

Bồ tát Thượng Thiện[1] nói: "Thân, khẩu, ý thiện[2] là hai. Tướng của ba nghiệp này là vô tác. Tướng vô tác của thân tức là tướng vô tác của miệng. Tướng vô tác của miệng tức là tướng vô tác của ý. Tướng vô tác của ba nghiệp này tức là tướng vô tác của hết thảy pháp. Nếu có thể tùy theo trí tuệ vô tác như vậy là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này không, vô tướng, vô tác nên ba nghiệp đều vô tác. Bởi vì tâm vô lậu là vô tác nên sẽ dẫn sinh khẩu vô tác (nói mà không sinh khởi khái niệm để nói) và thân vô tác (làm tất cả việc thiện mà không sinh khởi khái niệm để làm). Tướng vô tác của ba nghiệp đó chính là tướng vô tác của hết thảy pháp. Chính là tâm không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Nghĩa là,

---

[1] Thượng Thiện 上善. VCX: Thiện Điều Thuận 善調順. Chi Khiêm: Thiện Đoạn 善斷.

[2] VCX: ba luật nghi (Skt. saṃvara, sự phòng hộ).

các bậc thánh giả sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), tức ba nghiệp vô tác. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Phước Điền[1] nói: "Phước hành, tội hành và bất động hành[2] là hai. Thật tánh của ba hành là không. Không bố thí, không phước hành, không tội hành, không bất động hành. Không khởi ba hành này là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Phước hành là thiện nghiệp. Tội hành là bất thiện nghiệp. Bất động hành là nghiệp thuộc sắc giới và vô sắc giới (Sơ thiền, Nhị thiền cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ định). Phước hành, tội hành và bất động hành đều thuộc tâm hữu lậu.

---

[1] Phước Điền 福田. Chi Khiêm: Phước Độ (Phúc Thổ) 福土.

[2] Tội hành 罪行, chỉ các nghiệp bất thiện. Phước hành 福行: nghiệp thiện Dục giới. Bất động hành 不動行: nghiệp thuộc Sắc và Vô sắc giới.

Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã. Vì thế, tâm nhận biết như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) tâm hữu lậu (tạp niệm) thì tâm này chính là tâm vô lậu. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Hoa Nghiêm[1] *nói: "Từ ngã mà khởi nhị nguyên, đó là hai. Thấy thật tướng của ngã, nhị nguyên này sẽ không khởi. Nếu không trụ nơi pháp nhị nguyên thì không có thức. Không có gì được nhận thức, đó là vào Pháp môn bất nhị."*

Giải nghĩa

Ngã gồm phân biệt ngã chấp và câu sinh ngã chấp. Hai loại ngã chấp này đều y vào năm thủ uẩn để chấp thủ, tức nhị nguyên. Vì thế, nếu tâm nhận biết như thật (không sinh khởi khái niệm) năm thủ uẩn thì tâm này là chánh kiến vô lậu. Từ đó, chúng ta an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập thì

[1] Hoa Nghiêm 華嚴.

thức (vọng niệm) sẽ không sinh khởi. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Đức Tạng[1] *nói: "Sự có sở đắc là phân hai. Nếu không sở đắc thì không thủ cũng không xả. Không thủ, không xả là vào Pháp môn bất nhị."*

Giải nghĩa

Trí hữu lậu là trí duyên sinh nên mới sinh khởi khái niệm có chứng, có đắc, tức nhị nguyên. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Do trí này là không, vô tướng và vô tác nên không sinh khởi khái niệm có chứng, có đắc, chứ không phải là không có chứng, có đắc, tức bất nhị. Cho nên, trong *Bát-nhã Tâm Kinh,* Bồ-tát Quán Thế Âm dạy: *"Cho nên trong Tánh không, nó không có trí cũng không có một pháp gì để chứng đắc"*. Trí vô lậu là Pháp môn bất nhị.

---

[1] Đức Tạng 德藏. VCX: Thắng Tạng 勝藏. Skt. Śrīgarbha (Cf. Saddh., Mvyut.). Chi Khiêm: Thủ Hoài 首懷.

Chánh văn

Bồ tát Nguyệt Thượng[1] *nói: "Tối, sáng là hai. Không tối, không sáng thì không hai. Vì sao? Như nhập diệt tận định thì chẳng còn tối hay sáng. Tướng của hết thảy các pháp cũng như vậy. Ở trong đó, bình đẳng mà vào, đó là vào Pháp môn bất nhị."*

Giải nghĩa

Tâm hữu lậu mới sinh khởi khái niệm tối và sáng, tức nhị nguyên. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm tối và sáng, tức bất nhị. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Bảo Ấn Thủ[2] *nói: "Vui thích Niết bàn, không vui thích thế gian là sự hai. Nếu không vui thích Niết bàn, không chán ghét thế gian, thế thì không có hai. Vì sao? Nếu có buộc mới có cởi.*

---

[1] Nguyệt Thượng 月上. Chi Khiêm: Nguyệt Thạnh 月盛.

[2] Bảo Ấn Thủ 寶印手. Skt. Ratnamudrahasta; Mvyut.

Nhưng nếu chẳng có buộc ràng thì ai mong cầu cởi trói? Không ràng buộc, không cởi mở, tức không thích cũng không chán; đó là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Chánh kiến gồm chánh kiến hữu lậu và chánh kiến vô lậu. Trong đó, chánh kiến hữu lậu là chánh kiến duyên sinh nên mới sinh khởi khái niệm vui thích Niết-bàn và chán ghét thế gian (khổ đế - tập đế), tức nhị nguyên. Còn chánh kiến vô lậu là chánh kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm vui thích Niết bàn và chán ghét thế gian, tức bất nhị. Vì vậy, các bậc thánh nhân ở trong thời quá khứ, thời hiện tại, thời vị lai đều do lãnh hội được chánh kiến vô lậu tu tập nên thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Châu Đỉnh Vương[1] nói: "Chính đạo và tà đạo là hai. Người trụ ở chính đạo tất không phân biệt chính, tà[2]. Lìa hai thái cực này là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Chánh kiến hữu lậu mới sinh khởi khái niệm chánh đạo và tà đạo nên thuộc tâm nhị nguyên. Tuy chánh kiến vô lậu nhận biết được chánh đạo và tà đạo nhưng không sinh khởi khái niệm chánh đạo và tà đạo nên thuộc tâm bất nhị. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Bồ tát Lạc Thật[3] nói: "Thật, bất thật là hai. Người thấy sự thật còn không cho đó là thật, huống gì là

---

[1] Châu Đỉnh Vương 珠頂王. VCX: Châu Kế Vương 珠髻王. Skt. Maṇicūḍarāja, cf. Mvyut.. Lal.v. Chi Khiêm: Tâm Châu Lập 心珠立.

[2] VCX: "Người an trụ Cánh đạo thì cứu cánh không hành tà đạo. Vì không hành (không đi) cho nên không có hai tương tà đạo và chính đạo."

[3] Lạc Thật 樂實. VCX: Đế Thật 諦實 . Chi Khiêm: Thành Lạc Ngưỡng 誠樂仰.

cái bất thật. Vì sao? Đó là cái mà mắt thịt không thể thấy, chỉ có con mắt huệ mới nhìn ra. Nhưng con mắt huệ thì không có sự thấy, cũng không có sự không thấy. Đó là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Chánh kiến hữu lậu mới sinh khởi khái niệm hữu lậu và vô lậu nên thuộc tâm nhị nguyên. Tuy chánh kiến vô lậu nhận biết được thật (chánh kiến vô lậu) và bất thật (chánh kiến hữu lậu và các pháp thuộc hữu vi…) nhưng không sinh khởi khái niệm thật và bất thật nên thuộc tâm bất nhị. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

32. Chư Bồ tát đã lần lượt từng vị trình bày xong, liền hỏi Văn-thù-sư-lợi:

"Thế nào là Bồ tát vào Pháp môn bất nhị?"

Văn-thù-sư-lợi nói:

"Theo ý tôi, đối với hết thảy pháp không nói, không thuyết, không chỉ thị, không nhận thức[1]; vượt ngoài vấn đáp. Đó là vào bất nhị pháp môn."

Giải nghĩa

Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác, tức bất nhị. Bởi trí này là không, vô tướng, vô tác nên thường định và thường tuệ. Do trí này thường định và thường tuệ nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Vì trí này không trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần nên tất cả chỗ đều không tâm. Vì tất cả chỗ đều không tâm nên ba nghiệp đều vô tác. Bởi vì tâm vô lậu là vô tác nên dẫn sinh khẩu vô tác (nói mà không sinh khởi khái niệm để nói) và thân vô tác (làm tất cả việc thiện nhưng không sinh khởi khái niệm để làm). Chính ý nghĩa đó, các bậc thánh nhân sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới vô

[1] La-thập: vô ngôn 無言, vô thuyết 無說, vô thị 無示, vô thức 無識. VCX: vô ngôn, vô thuyết, vô biểu, vô thị 無表無示.

lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), tức ba nghiệp vô tác. Đây là Pháp môn bất nhị.

Chánh văn

Đoạn Văn-thù hỏi Duy-Ma-Cật:

"Chúng tôi mỗi người đã nói rồi, xin nhân giả cho biết thế nào là Bồ tát vào Pháp môn bất nhị?"

Bấy giờ, Duy-Ma-Cật lặng im không nói.

Văn-thù-sư-lợi tán thán:

"Tuyệt, tuyệt thay; cho đến không còn văn tự và ngôn thuyết, ấy mới thật là vào Pháp môn bất nhị."

Giải nghĩa

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác, tức bất nhị. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên thường định và thường tuệ. Vì tâm này thường định và thường tuệ nên im lặng, nói năng hay hành động đều sống trong định và tuệ vô lậu. Vì thế, các bậc thánh nhân sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm,

chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), tức ba nghiệp vô tác. Đây là Pháp môn bất nhị.

LỜI KẾT

Ý NGHĨA LỜI DẠY CỦA CÁC BẬC THÁNH NHÂN TRONG CÁC NGỮ LỤC, 33 BÀI KỆ VÀ PHẨM PHÁP MÔN BẤT NHỊ TRONG KINH DUY-MA-CẬT

Lời dạy của các bậc thánh nhân trong các ngữ lục, 33 bài kệ truyền pháp của các bậc Tổ Sư Ấn-Hoa và phẩm *Pháp môn bất nhị* trong kinh *Duy-Ma-Cật* chính là tu tập Đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập

đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Do đó, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập bát chánh đạo vô lậu. Chính tâm vô lậu là định - tuệ đồng thời. Tâm này thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy thường có trí tuệ nhận biết được tâm rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v. gọi là tuệ. Trong bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); còn chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, các bậc thánh giả sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Vì vậy, các bậc thánh giả tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới

- định - tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) đã đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Tuy nhiên, theo Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán

(Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa), hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có đức Thế Tôn mới đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên Ngài mới sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Vì vậy, chỉ có Đức Thế Tôn mới sống hoàn toàn trọn vẹn với Bát chánh đạo vô lậu.

LỜI DẠY CỦA CÁC BẬC THÁNH NHÂN TRONG CÁC NGỮ LỤC
33 BÀI KỆ và PHẨM BẤT NHỊ TRONG KINH DUY-MA-CẬT
Giải nghĩa

Tác giả: Thích Thắng Giải

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024)37822845

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Giám đốc - ThS. Nguyễn Hữu Có**

Chịu trách nhiệm nội dung: **Tổng biên tập Lê Hồng Sơn**

Biên tập viên nhà xuất bản: **Vũ Văn Hiếu**

Sửa bản in:	Sao Bùi
Thiết kế bìa:	Hoàn Thanh Tú
Trình bày:	Đàm Oanh

Đối tác liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

119 C5 Tô Hiệu - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: (024) 3793 0480; Fax: (024) 6287 3238

Website: www.thaihabooks.com

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thích Thắng Giải

Lời dạy của các bậc Thánh nhân trong các Ngữ lục, 33 bài kệ và Phẩm Bất nhị trong Kinh Duy - Ma - Cật giải nghĩa / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo ; Công ty Sách Thái Hà, 2025. - 196 tr. ; 21 cm

1. Đạo Phật 2. Giáo lý

294.3444 - dc23

TOF0011p-CIP

In 300 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In Bắc Sơn. Địa chỉ: Số 262 Phúc Diễn, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội. Số đăng ký KHXB: 148-2025/CXBIPH/09-02/TG. Quyết định xuất bản số: 154/QĐ-NXBTG cấp ngày 26 tháng 02 năm 2025. In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.

ISBN: 978-604-941-198-4